

BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG
VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2025

Số -BCHN/CQTTBCĐ

BÁO CÁO

Về tình hình, kết quả triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW

(Tổng hợp, đối chiếu thông tin đến 16h00 ngày 22/9/2025)

VĂN PHÒNG UBND TP HÀ NỘI		
ĐẾN	Số: 8760	Ngày: 25/09/2025
Chuyển:		
Số và ký hiệu HS:		
ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT L.N.Châu	X	
PCT TT L.A.Quân		
PCT N.M.Hùng		
PCT T.V.Quân		
PCT H.M.Cường		X
CVP H.V.Thực		X
PCVP N.H.Long		
PCVP T.V.Thiện		
PCVP N.T.Hùng		
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.Q.Hưng	X	
PCVP P.H.Hoàng		
P. NV&KT,GS		
P. NC		
P. NN&MT		
P. TC		
P. TH		
P. VX	X	
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCCTP		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

Kính gửi:

- Các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số,
- Đảng ủy các cơ quan đảng Trung ương,
- Đảng ủy Quốc hội,
- Đảng ủy Chính phủ,
- Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương,
- Các cơ quan đảng ở Trung ương,
- Quân ủy Trung ương,
- Đảng ủy Công an Trung ương,
- Các đồng chí Bí thư đảng ủy, Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,
- Đảng ủy Tòa án nhân dân tối cao,
- Đảng ủy Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Các đồng chí Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) đã chỉ đạo Trung tâm Chỉ huy Giám sát, điều hành (sau đây gọi tắt là TTCH) theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW.

Trên cơ sở báo cáo do các bộ, cơ quan, địa phương cập nhật lên hệ thống, Cơ quan Thường trực báo cáo kết quả triển khai trong ngày 22/9/2025 như sau:

I. TỔNG QUAN TIẾN ĐỘ

Bản đồ nhiệt giám sát của TTCH dựa trên dữ liệu các địa phương báo cáo trên Hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (tại địa chỉ: <https://nq57.vn>) tính đến 16h00 ngày 22/9/2025: **34/34 tỉnh, thành phố đạt trạng thái XANH** so với tiến độ các công việc phải hoàn thành trước 01/10/2025; (Phụ lục 1 và minh họa cụ thể trong slide kèm theo Báo cáo).

1. Điểm tích cực

- Đã có **34/34** tỉnh, thành phố đạt trạng thái **XANH**.

- Không có tỉnh, thành phố nào ở trạng thái **ĐỎ**.

- Thông tin hiện trạng tại **3.321** xã, phường có báo cáo của **34/34** tỉnh, thành phố nhìn chung đã tốt hơn ngày 25/7/2025, có **28** tỉnh thành phố phủ **XANH** hơn **50%** số xã, phường; có **25** tỉnh, thành phố phủ **XANH** hơn **70%** số xã, phường. Đặc biệt **21** tỉnh, thành phố: Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Huế, Thành phố Đà Nẵng, Thanh Hóa, Bắc Ninh, Cà Mau, Đắk Lắk, Gia Lai, Hưng Yên, Lào Cai, Lạng Sơn, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Quảng Trị, Đồng Nai, Tuyên Quang, Nghệ An, Tây Ninh và Sơn La phủ **XANH 100%** số xã, phường (Phụ lục 4).

2. Điểm yếu cần tháo gỡ

- Tình hình phủ **XANH** các xã, phường, đảm bảo các điều kiện cơ bản để vận hành Trung tâm Phục vụ hành chính công còn chậm (Phụ lục 5). Nhiều vướng mắc được báo cáo liên quan đến hệ thống phần mềm, hệ thống dịch vụ công, kết nối, cơ sở dữ liệu, chữ ký số, con dấu, thiếu quy trình (Phụ lục 6).

- Một số tỉnh, thành phố có cơ sở hạ tầng tốt nhưng lại có tỉ lệ nộp hồ sơ trực tuyến rất thấp. Nguyên nhân chủ yếu: Phần mềm không đồng bộ, thiếu ổn định, gây khó khăn khi nộp hồ sơ trực tuyến nhưng đến hôm nay tình hình tiếp nhận xử lý hồ sơ tại thành phố Hà Nội trong ngày 21/09/2025, tỉ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đã đạt **100,0%** so với tổng số hồ sơ, số hồ sơ đã trả đạt **40,59%** so với tổng số hồ sơ cùng ngày (Phụ lục 8, bảng I). Thành phố Hồ Chí Minh có tổng số hồ sơ nộp cấp tỉnh trong ngày thấp hơn nhiều so với mức trung bình hằng ngày của tháng 6/2025 (Phụ lục 8, bảng I).

- Vẫn còn **07** nhiệm vụ đã thực hiện quá hạn chưa hoàn thành (Phụ lục 2).

3. Điểm khác so với ngày 21/9/2025

a) Tiến độ hoàn thành nhiệm vụ ở cấp xã tăng chậm (**0,18%**) so với ngày 21/9/2025.

b) Hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW được triển khai theo dõi, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của 04 khối cơ quan ở cấp tỉnh, thành phố (Tỉnh ủy/Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, thành phố) và 04 khối cơ quan ở cấp xã, phường (Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, phường), theo đó:

- Đối với Đảng ủy cấp xã: 33/34 tỉnh, thành phố, tỉ lệ số xã, phường đã triển khai sử dụng phần mềm quản lý cán bộ, công chức và 32/34 tỉnh, thành phố đã thực hiện việc phổ biến thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đều đạt dưới 50% (Phụ lục 9).

- Đối với Hội đồng nhân dân cấp xã: 33/34 tỉnh, thành phố, tỷ lệ số xã, phường đã ban hành văn bản giám sát; tổ chức chất vấn và thảo luận; ban hành, thực thi quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc; tổ chức giám sát chuyên đề về chuyển đổi số; phối hợp kiểm tra với các đoàn kiểm tra cấp trên về chuyển đổi số đều đạt dưới 50% (Phụ lục 10).

- Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã: Ở tất cả các tỉnh, thành phố, tỉ lệ số xã, phường đã xây dựng kịch bản, phương án hỗ trợ người dân yếu thế; ban hành các

quy định về vận hành bộ máy, cải cách hành chính và chuyển đổi số đều dưới 50%. (Phụ lục 11).

- Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã: Có 28/34 tỉnh, thành phố có tỉ lệ số xã, phường đã cập nhật danh sách đoàn viên, hội viên vào hệ thống cơ sở dữ liệu dưới 50%; đồng thời 31/34 tỉnh, thành phố có tỷ lệ số xã, phường đã ban hành và thực thi quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc dưới 50% (Phụ lục 12).

4. Khuyến nghị cảnh báo

- Cần có cơ chế giám sát độc lập kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ.

- Đến nay vẫn chưa hoàn thành một số nhiệm vụ trong tháng 7/2025 liên quan đến hạ tầng số và các Cơ sở dữ liệu trọng yếu (Phụ lục 3), đề nghị Nhóm công tác số 2 và số 3 (Quyết định số 32-QĐ/TGV, ngày 24/6/2025 về thành lập các Nhóm công tác hỗ trợ triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW) chủ trì, đôn đốc các đơn vị thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo Kế hoạch (bao gồm tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW nói chung và các nhiệm vụ việc liên quan đến các cơ sở dữ liệu trọng yếu nói riêng).

- Các Bộ, ban ngành, địa phương cần khẩn trương hoàn thành các nhiệm vụ đang thực hiện quá hạn và báo cáo lên Hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (Phụ lục 2).

- Các điều kiện vận hành hiệu quả các Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, phường như: Chữ ký số, chứng thư số, nhân sự tham gia hỗ trợ, sử dụng lại dữ liệu đã số hóa, phần mềm dịch vụ công, phần mềm hộ tịch, ... cần tiếp tục được quan tâm, rà soát, đầu tư đầy đủ và có giải pháp đôn đốc, triển khai quyết liệt, đồng bộ hơn nữa và báo cáo lên hệ thống (Phụ lục 5).

II. CÁC NHÓM NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

TT	Nhóm nhiệm vụ	Số nhiệm vụ	Đơn vị chưa hoàn thành	Phụ lục
1	Hoàn thiện thể chế và kiến trúc pháp lý	04	Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Công an,	Phụ lục 2
2	Xây dựng hạ tầng số và các Cơ sở dữ liệu trọng yếu	01	Bộ Công an	Phụ lục 2
3	Thống nhất nền tảng, ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp	01	Cao Bằng	Phụ lục 2
4	Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo mật	01	Ban cơ yếu Chính phủ.	Phụ lục 2

III. PHÂN TÍCH, PHÁT HIỆN VẤN ĐỀ

1. Tính từ ngày 01/7/2025, một số tỉnh, thành phố có tỉ lệ hồ sơ nộp trực tuyến **thấp** (như Lạng Sơn khoảng **34,5%**, thấp nhất trong tất cả **34** tỉnh, thành phố) trong

khi đó nhiều tỉnh thành phố khác có tỉ lệ hồ sơ nộp trực tuyến trên **90%** (Phụ lục 8, mục III về tình hình tiếp nhận xử lý hồ sơ ghi nhận trên Cổng DVC quốc gia từ ngày 01/7/2025 – 21/09/2025). Việc này khiến hạ tầng và cơ sở vật chất được đầu tư tốt không phát huy hiệu quả. Đề nghị các địa phương có tỉ lệ hồ sơ nộp trực tuyến thấp và các đơn vị liên quan rà soát, tìm nguyên nhân tháo gỡ để nâng cao tỉ lệ nộp hồ sơ trực tuyến.

2. Trên toàn quốc hiện mới có **2.821/3.321** xã, phường (tương đương **84,94%**) đáp ứng được hết một số điều kiện cơ bản nhất theo bảng khảo sát để vận hành hiệu quả Trung tâm Phục vụ hành chính công (ngày 21/9/2025 có **2.815** xã, phường đáp ứng chiếm **84,76%**). Các điều kiện thiết yếu để xử lý thủ tục hành chính trên môi trường số chưa được toàn bộ các xã, phường báo cáo hoàn thành như: **Chữ ký số mật** (TP. Cần Thơ, Cao Bằng, TP. Hải Phòng, Lai Châu, Lâm Đồng, Quảng Ngãi, Thái Nguyên, Vĩnh Long), **chứng thư số công vụ** (Cao Bằng, Đồng Tháp, TP. Hải Phòng, Lâm Đồng), **nhân sự tham gia hỗ trợ tại bộ phận một cửa** (**97,47%** xã, phường có đủ nhân sự). Việc này, cần được các địa phương nghiêm túc rà soát, đẩy nhanh tiến độ để bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả triển khai trên toàn quốc.

Đề nghị các tỉnh, thành phố khẩn trương rà soát kết quả thực hiện nhiệm vụ: “Bố trí trụ sở, trang cấp thiết bị, phân công lãnh đạo, bố trí nhân lực và bảo đảm hệ thống hạ tầng mạng đáp ứng yêu cầu theo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP”. Đồng thời, tổ chức kiểm tra thực địa, đôn đốc, hỗ trợ các xã, phường hoàn thiện điều kiện cần thiết để bảo đảm Trung tâm Phục vụ hành chính công tại cơ sở sẵn sàng vận hành hiệu quả. Kết quả thực hiện đề nghị được cập nhật đầy đủ lên hệ thống để tổng hợp, theo dõi và báo cáo Ban Chỉ đạo.

3. Phân tích các vướng mắc, khó khăn từ cấp xã, phường báo cáo lên hệ thống, nhiều vướng mắc liên quan đến **hệ thống phần mềm (dịch vụ công và hộ tịch) chưa ổn định và đồng bộ, chưa liên thông cơ sở dữ liệu quốc gia, thiếu chữ ký số và trang bị máy móc, quy trình chưa hoàn thiện** (Phụ lục 6). Đề nghị các Nhóm công tác được phân công tại Quyết định số 32-QĐ/TGV khẩn trương đôn đốc, hỗ trợ các địa phương xử lý các vướng mắc này.

4. Phân tích mức độ hoàn thành của 4 hệ thống Đảng ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tại cấp xã, phường (Phụ lục 9 đến Phụ lục 12), cần khẩn trương thực hiện:

- Đối với Đảng ủy cấp xã: Triển khai “Sổ tay đảng viên điện tử”; thực hiện thủ tục thu nộp đảng phí trực tuyến; tổ chức lấy ý kiến chỉ bộ nơi cư trú; ban hành và thực hiện nghiêm quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc của tổ chức đảng, đảng viên.

- Đối với Hội đồng nhân dân cấp xã: Ban hành văn bản giám sát về chuyển đổi số; tổ chức chất vấn, thảo luận chuyên đề về kết quả chuyển đổi số; phê duyệt ngân sách cho các hoạt động chuyển đổi số; ban hành và công khai danh sách, tiểu sử đại biểu trên nền tảng số.

- Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã: Cập nhật dữ liệu cán bộ, công chức trên phần mềm quản lý nhân sự; chủ động tham mưu bố trí nguồn kinh phí cho các hoạt động chuyển đổi số; ban hành và triển khai quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc theo tiêu chí định lượng, gắn với cải cách hành chính và ứng dụng công

nghệ số; ban hành kịch bản phương án hỗ trợ người dân yếu thế và xử lý các tình huống thường gặp.

- Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã: Thực hiện cập nhật danh sách đoàn viên, hội viên vào hệ thống cơ sở dữ liệu; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát và phản biện xã hội; tổng hợp, phản ánh kịp thời ý kiến của nhân dân; vận động nhân dân tích cực tham gia chuyển đổi số; triển khai mô hình “Dân vận số” phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương.

5. Từ tháng 7/2025 đến tháng 10/2025, các đơn vị được giao nhiệm vụ **thường xuyên** (Phụ lục 7) cần tập trung triển khai và hoàn thành các nhiệm vụ liên quan đặc biệt là các nhiệm vụ liên quan đến vận hành Dịch vụ công trực tuyến, xây dựng Cơ sở dữ liệu trọng yếu, phục vụ cho việc khai thác, sử dụng theo đúng chỉ đạo của Ban Chỉ đạo. Đề nghị các đơn vị được phân công nhiệm vụ nghiêm túc tổ chức triển khai, thường xuyên cập nhật và **báo cáo** tiến độ thực hiện lên hệ thống, bảo đảm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành chung của Ban Chỉ đạo một cách kịp thời, hiệu quả.

Kính trình các Đồng chí xem xét, chỉ đạo¹./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Văn phòng Tổng Bí thư,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Văn phòng Chính phủ,
- Văn phòng Quốc hội,
- Lãnh đạo Văn phòng Trung ương Đảng,
- Thành viên Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo,
- Vụ địa phương I, II,
- Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu,
- Lưu Ban Chỉ đạo Trung ương.

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG
kiêm
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC BAN CHỈ ĐẠO

Võ Thành Hưng

¹ Báo cáo này không đăng tải trên báo, đài và các mạng xã hội.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số -BCHN/CQTTBCĐ ngày /8/2025 của Cơ quan Thường trực)

Phụ lục 1

Tình hình thực hiện các nhiệm vụ trong giai đoạn 2

STT	Tỉnh / Thành phố	Tiến độ nhiệm vụ	Ghi chú
1	TP. Hồ Chí Minh	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
2	TP. Hà Nội	19/19	SẴN SÀNG (XANH)
3	TP. Huế	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
4	TP. Đà Nẵng	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
5	TP. Cần Thơ	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
6	TP. Hải Phòng	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
7	Lai Châu	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
8	Điện Biên	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
9	Sơn La	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
10	Quảng Ninh	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
11	Thanh Hoá	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
12	Hà Tĩnh	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
13	Cao Bằng	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
14	Tuyên Quang	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
15	Thái Nguyên	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
16	Phú Thọ	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
17	Ninh Bình	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
18	Quảng Ngãi	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
19	Gia Lai	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
20	Lâm Đồng	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
21	Tây Ninh	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
22	Vĩnh Long	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
23	Đồng Tháp	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
24	Cà Mau	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
25	An Giang	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
26	Lào Cai	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
27	Đồng Nai	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
28	Quảng Trị	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
29	Đắk Lắk	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
30	Lạng Sơn	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
31	Hưng Yên	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
32	Nghệ An	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
33	Bắc Ninh	17/17	SẴN SÀNG (XANH)
34	Khánh Hòa	17/17	SẴN SÀNG (XANH)

Phụ lục 2
Các nhiệm vụ chưa hoàn thành đã quá hạn

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Đơn vị chưa hoàn thành
I.1. Nhóm I - Hoàn thiện thể chế và kiến trúc pháp lý (4 nhiệm vụ)		
1	Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng trình Ban Bí thư ban hành Quy định về giao dịch điện tử trong các cơ quan đảng.	Văn phòng Trung ương Đảng
2	(1) Rà soát, nghiên cứu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; (2) Xây dựng, trình Chính phủ ban hành nghị định quy định trách nhiệm của Bộ Công an và các bộ ngành trong xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung và huy động các nguồn lực; (3) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật Dữ liệu, Kiến trúc dữ liệu quốc gia tổng thể, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung.	Bộ Công An
3	Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng trình Ban Bí thư ban hành Quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ mạng thông tin điện rộng của đảng	Văn phòng Trung ương Đảng
4	Xây dựng và trình Ban Bí thư ban hành Quy định chia sẻ thông tin dữ liệu giữa các cơ quan đảng với các cơ quan trong hệ thống chính trị	Văn phòng Trung ương Đảng
I.2. Nhóm II - Xây dựng hạ tầng số và các Cơ sở dữ liệu trọng yếu (2 nhiệm vụ)		
5	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án triển khai và lộ trình tích hợp các hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự, giao thông công cộng về các Trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh (IOC) và kết nối liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	Bộ Công an
I.3 Nhóm III - Thống nhất nền tảng, ứng dụng phục vụ người dân, doanh nghiệp (1 nhiệm vụ)		
6	Theo phân cấp, chủ động bố trí nguồn lực, kinh phí thực hiện phân loại hồ sơ, tài liệu để xác định những loại tài liệu cần số hóa; bảo đảm trang thiết bị đầu cuối; đường truyền; bố trí nhân sự và đào tạo, tập huấn nghiệp vụ tham gia số hóa.	Cao Bằng
I.5 Nhóm VI - Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo mật (1 nhiệm vụ)		
7	Đánh giá toàn diện về sự an toàn của các thuật toán mã hoá Cơ yếu đang sử dụng trước sự phát triển của máy tính lượng tử;	Ban cơ yếu Chính phủ

Phụ lục 3
Các nhiệm vụ cần hoàn thành đến 01/10/2025

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị thực hiện
I.1. Nhóm I - Hoàn thiện thể chế và kiến trúc pháp lý (7 nhiệm vụ)			
1	Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng trình Ban Bí thư ban hành Quy định về giao dịch điện tử trong các cơ quan đảng.	30/7/2025	Văn phòng Trung ương Đảng
2	(1) Rà soát, nghiên cứu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; (2) Xây dựng, trình Chính phủ ban hành nghị định quy định trách nhiệm của Bộ Công an và các bộ ngành trong xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung và huy động các nguồn lực; (3) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật Dữ liệu, Kiến trúc dữ liệu quốc gia tổng thể, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung.	31/8/2025	Bộ Công An
3	Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng trình Ban Bí thư ban hành Quy chế theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ	30/6/2025	Văn phòng Trung ương Đảng
4	Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng trình Ban Bí thư ban hành Quy định về quản lý, sử dụng và bảo vệ mạng thông tin điện rộng của đảng	30/6/2025	Văn phòng Trung ương Đảng
5	Xây dựng, ban hành Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số;	31/8/2025	Bộ Khoa học và Công nghệ
6	Xây dựng và trình Ban Bí thư ban hành Quy định chia sẻ thông tin dữ liệu giữa các cơ quan đảng với các cơ quan trong hệ thống chính trị	30/7/2025	Văn phòng Trung ương Đảng
7	Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ rà soát, sửa đổi các văn bản pháp luật chuyên ngành để công nhận đầy đủ giá trị pháp lý của hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử; ký số văn bản tổ tụng và thực hiện một số thủ tục tổ tụng điện tử.	30/9/2025	Các Bộ, ngành
I.2. Nhóm II - Xây dựng hạ tầng số và các Cơ sở dữ liệu trọng yếu (3 nhiệm vụ)			
8	Xây dựng kế hoạch và thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu tư pháp với CSDL tổng hợp quốc gia;	30/9/2025	Bộ Công an

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị thực hiện
9	Chủ động rà soát, đánh giá hiệu quả việc triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IOC) để có phương án khai thác, sử dụng hiệu quả;	30/6/2025	Các bộ, ngành, địa phương
10	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án triển khai và lộ trình tích hợp các hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự, giao thông công cộng về các Trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh (IOC) và kết nối liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	31/7/2025	Bộ Công an
I.5. Nhóm V - Phát triển nguồn lực (nhân lực và tài chính) (2 nhiệm vụ)			
1	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định tại Nghị định 73/2019/NĐ-CP và Nghị định 82/2024/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn theo hướng rút gọn tối đa thủ tục, rút ngắn thời gian thẩm định, phê duyệt và giải ngân cho các dự án công nghệ thông tin, chuyển đổi số	31/8/2025	Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính
13	Tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số theo hướng thực chiến, tập trung vào kỹ năng vận hành các hệ thống cụ thể và xử lý quy trình nghiệp vụ mới, phân loại đối tượng.	30/6/2025	Các bộ, ngành, địa phương
I.6. Nhóm VI - Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo mật (2 nhiệm vụ)			
14	Nghiên cứu, đánh giá toàn diện sự cần thiết của việc sửa đổi Luật Cơ yếu.	30/9/2025	Ban Cơ yếu Chính phủ
15	Đánh giá toàn diện về sự an toàn của các thuật toán mã hoá Cơ yếu đang sử dụng trước sự phát triển của máy tính lượng tử;	31/8/2025	Bộ Quốc phòng (Ban Cơ yếu Chính phủ)

Phụ lục 4
Tình hình phủ XANH các xã trong 34 tỉnh, thành phố

STT	Tỉnh/thành phố	Số xã	XANH	VÀNG	ĐỎ	Đã báo cáo	Đã báo cáo (%)	XANH (%)	TĂNG/GIẢM (%)
1	Cao Bằng	56	6	32	18	56	100%	10,71%	0%
2	Điện Biên	45	13	25	7	45	100%	28,89%	0%
3	Lai Châu	38	11	19	8	38	100%	28,95%	0%
4	TP. Cần Thơ	103	33	56	14	103	100%	32,04%	0%
5	Đồng Tháp	102	41	60	1	102	100%	40,20%	0%
6	Vĩnh Long	124	55	69	0	124	100%	44,35%	0,80%
7	Lâm Đồng	124	64	53	7	124	100%	51,61%	0%
8	TP. Hải Phòng	114	67	47	0	114	100%	58,77%	0%
9	Quảng Ngãi	96	58	38	0	96	100%	60,42%	1,04%
10	Thái Nguyên	92	66	22	4	92	100%	71,74%	-1,09%
11	Hà Tĩnh	69	60	9	0	69	100%	86,96%	7,25%
12	Khánh Hòa	65	59	6	0	65	100%	90,77%	0%
13	An Giang	102	97	5	0	102	100%	95,10%	0%
14	Ninh Bình	129	129	0	0	129	100%	100%	0%
15	Đắk Lắk	102	102	0	0	102	100%	100%	0%
16	Bắc Ninh	99	99	0	0	99	100%	100%	0%
17	Cà Mau	64	64	0	0	64	100%	100%	0%
18	Tây Ninh	96	96	0	0	96	100%	100%	0%
19	Tuyên Quang	124	124	0	0	124	100%	100%	0%
20	Gia Lai	135	135	0	0	135	100%	100%	0%
21	Thanh Hóa	166	166	0	0	166	100%	100%	0%
22	TP. Đà Nẵng	94	94	0	0	94	100%	100%	0%
23	Nghệ An	130	130	0	0	130	100%	100%	0%
24	TP. Hồ Chí Minh	168	168	0	0	168	100%	100%	0%
25	TP. Hà Nội	126	126	0	0	126	100%	100%	0%
26	TP. Huế	40	40	0	0	40	100%	100%	0%
27	Lào Cai	99	99	0	0	99	100%	100%	0%
28	Sơn La	75	75	0	0	75	100%	100%	0%
29	Quảng Trị	78	78	0	0	78	100%	100%	0%
30	Đồng Nai	95	95	0	0	95	100%	100%	0%
31	Lạng Sơn	65	65	0	0	65	100%	100%	0%
32	Phú Thọ	148	148	0	0	148	100%	100%	0%
33	Hưng Yên	104	104	0	0	104	100%	100%	0%
34	Quảng Ninh	54	54	0	0	54	100%	100%	0%

Phụ lục 5
Thông tin hiện trạng tại 3.319 xã, phường của 34/34 tỉnh đã báo cáo lên hệ thống

STT	Tỉnh/thành phố	Tổng số xã	% xã đã phổ biến văn bản liên quan TTHC	% xã đã công bố bộ TTHC	% xã đã niêm yết quy trình thực hiện TTHC sau sát nhập	% xã đã có hệ thống mạng thông suốt	% xã đã có máy lấy số xếp hàng tự động	% xã đã trang bị màn hình hiển thị số thứ tự	% xã đã trang bị bộ thiết bị hỗ trợ số hóa giấy tờ	% xã đã trang bị thiết bị tra cứu TTHC	% xã đã trang bị đủ máy tính cho cán bộ công chức	% xã đã trang bị đủ thiết bị khác (máy photô, ...)	% xã đã sử dụng lại dữ liệu người dùng đã số hóa	% xã đã trang bị thiết bị an toàn	% xã đã được trang bị CKS mật	% xã đã được trang bị CKS công vụ	% xã đã có đủ nhân sự hỗ trợ tại TT HCC	% xã đã triển khai HT hợp trực tuyến từ TW đến cấp xã
1	An Giang	102	100	100	100	100	96,08	95,10	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
2	Bắc Ninh	99	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
3	Cà Mau	64	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
4	TP. Cần Thơ	103	99,03	100	94,17	100	62,14	59,22	97,09	76,70	88,35	65,05	83,50	87,38	98,06	100	74,76	100
5	Cao Bằng	56	100	100	96,43	100	12,50	14,29	91,07	55,36	92,86	67,86	87,50	66,07	92,86	96,43	71,43	100
6	TP. Đà Nẵng	94	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
7	Đắk Lắk	102	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
8	Điện Biên	45	97,78	100	100	100	40	37,78	88,89	71,11	93,33	86,67	86,67	91,11	100	100	82,22	100
9	Đồng Nai	95	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
10	Đồng Tháp	102	100	100	100	100	50	48,04	100	95,10	100	98,04	98,04	99,02	100	99,02	96,08	100
11	Gia Lai	135	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
12	TP. Hà Nội	126	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
13	Hà Tĩnh	69	100	100	100	100	88,41	91,30	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
14	TP. Hải Phòng	114	100	100	100	100	80,70	75,44	99,12	90,35	97,37	83,33	97,37	95,61	98,25	99,12	98,25	100
15	TP. Hồ Chí Minh	168	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
16	TP. Huế	40	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
17	Hưng Yên	104	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
18	Khánh Hòa	65	100	100	100	100	92,31	90,77	100	98,46	100	100	100	100	100	100	100	100

STT	Tỉnh/thành phố	Tổng số xã	% xã đã phổ biến văn bản liên quan TTHC	% xã đã công bố bộ TTHC	% xã đã niêm yết quy trình thực hiện TTHC sau sát nhập	% xã đã có hệ thống mạng thông suốt	% xã đã có máy lấy số xếp hàng tự động	% xã đã trang bị màn hình hiển thị số thứ tự	% xã đã trang bị bộ thiết bị hỗ trợ số hóa giấy tờ	% xã đã trang bị thiết bị tra cứu TTHC	% xã đã trang bị đủ máy tính cho cán bộ công chức	% xã đã trang bị đủ thiết bị khác (máy photô, ...)	% xã đã sử dụng lại dữ liệu người dùng đã số hóa	% xã đã trang bị thiết bị an toàn	% xã đã được trang bị CKS mật	% xã đã được trang bị CKS công vụ	% xã đã có đủ nhân sự hỗ trợ tại TT HCC	% xã đã triển khai HT hợp trực tuyến từ TW đến cấp xã
19	Lai Châu	38	100	97,37	97,37	100	31,58	31,58	92,11	68,42	84,21	76,32	76,32	94,74	97,37	100	78,95	100
20	Lâm Đồng	124	100	99,19	99,19	100	75,81	68,55	95,16	88,71	94,35	87,10	94,35	92,74	93,55	99,19	91,94	100
21	Lạng Sơn	65	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
22	Lào Cai	99	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
23	Nghệ An	130	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
24	Ninh Bình	129	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
25	Phú Thọ	148	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
26	Quảng Ngãi	96	100	100	100	100	84,38	83,33	100	93,75	97,92	81,25	94,79	98,96	97,92	100	91,67	100
27	Quảng Ninh	54	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
28	Quảng Trị	78	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
29	Sơn La	75	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
30	Tây Ninh	96	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
31	Thái Nguyên	92	100	100	100	100	80,43	72,83	100	91,30	97,83	86,96	97,83	95,65	98,91	100	98,91	100
32	Thanh Hóa	166	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
33	Tuyên Quang	124	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100
34	Vĩnh Long	124	100	100	100	100	48,39	49,19	99,19	90,32	98,39	94,35	94,35	99,19	99,19	100	99,19	100

Phụ lục 6
Các vướng mắc chính trong ngày 22/9/2025

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
1	An Giang	Hệ thống phần mềm hộ tịch chưa cập nhật đầy đủ	6/102 (5,9%)
		Hệ thống đường truyền chậm và không ổn định	5/102 (4,9%)
		Phần mềm dịch vụ công chưa liên thông và tích hợp	4/102 (3,9%)
2	Bắc Ninh	Hệ thống dịch vụ công chậm và lỗi kết nối	10/99 (10,1%)
		Phần mềm hộ tịch không ổn định và thiếu dữ liệu	6/99 (6,1%)
		Một số TTHC chưa đồng bộ và không thể nộp hồ sơ	5/99 (5,1%)
3	Cà Mau	Thiếu máy móc, trang thiết bị	5/64 (7,8%)
		Máy móc hư hỏng, lỗi	3/64 (4,7%)
		Không có vướng mắc	10/64 (15,6%)
4	TP. Cần Thơ	Phần mềm một cửa điện tử gặp lỗi, chậm trễ trong xử lý hồ sơ	7/103 (6,8%)
		Phần mềm hộ tịch không đồng bộ dữ liệu, thường xuyên gặp lỗi	5/103 (4,9%)
		Hệ thống không liên thông giữa các phần mềm (Đăng ký kinh doanh, Bảo hiểm xã hội, Hộ tịch)	4/103 (3,9%)
5	Cao Bằng	Thiếu trang thiết bị và cơ sở hạ tầng	6/56 (10,7%)
		Hạn chế về trình độ công nghệ thông tin của người dân	5/56 (8,9%)
		Vướng mắc trong quy trình thủ tục hành chính	4/56 (7,1%)
6	TP. Đà Nẵng	Phần mềm Một cửa điện tử thường xuyên lỗi và chạy chậm	10/94 (10,6%)
		Chưa tích hợp các thủ tục hành chính vào hệ thống	7/94 (7,4%)
		Chưa phân quyền truy cập vào cơ sở dữ liệu quốc gia	6/94 (6,4%)
7	Đắk Lắk	Hệ thống phần mềm thường xuyên bị lỗi	12/102 (11,8%)
		Thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị	10/102 (9,8%)
		Công dân chưa tự nộp hồ sơ trực tuyến	9/102 (8,8%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
8	Điện Biên	Thiếu thiết bị máy móc và cơ sở vật chất	12/45 (26,7%)
		Phần mềm dịch vụ công thường xuyên bị lỗi	10/45 (22,2%)
		Thiếu nhân sự và cán bộ có chuyên môn	8/45 (17,8%)
9	Đồng Nai	Quá tải hệ thống phần mềm (Vneid, Hộ tịch)	6/95 (6,3%)
		Thiếu cơ sở vật chất và trang thiết bị (máy tính, máy scan)	5/95 (5,3%)
		Hệ thống dịch vụ công chậm và lỗi	5/95 (5,3%)
10	Đồng Tháp	Hệ thống thông tin gặp lỗi và không ổn định	10/102 (9,8%)
		Khó khăn trong việc thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến	8/102 (7,8%)
		Thiếu hướng dẫn và thông tin cho một số thủ tục	6/102 (5,9%)
11	Gia Lai	Hệ thống chưa đồng bộ	6/135 (4,4%)
		Thiếu nhân lực tại bộ phận một cửa	4/135 (3,0%)
		Hệ thống chạy chậm, nghẽn mạng	4/135 (3,0%)
12	TP. Hà Nội	Hệ thống phần mềm gặp lỗi, không hiển thị hồ sơ và không chuyển xử lý được	12/126 (9,5%)
		Phần mềm chưa hoàn thiện, nhiều thủ tục chưa được cập nhật	10/126 (7,9%)
		Công dân không thực hiện được hồ sơ trực tuyến	9/126 (7,1%)
13	Hà Tĩnh	Thiếu nhân sự và biên chế	10/69 (14,5%)
		Hệ thống phần mềm gặp lỗi	8/69 (11,6%)
		Cơ sở vật chất và trang thiết bị chưa đảm bảo	7/69 (10,1%)
14	TP. Hải Phòng	Thiếu trang thiết bị tại Trung tâm Hành chính công	10/114 (8,8%)
		Hệ thống mạng chậm/không ổn định	7/114 (6,1%)
		Phần mềm giải quyết TTHC gặp lỗi	6/114 (5,3%)
15	TP. Hồ Chí Minh	Lỗi hệ thống và xử lý dữ liệu chậm	10/168 (6,0%)
		Thiếu nhân sự và hỗ trợ chuyên môn	8/168 (4,8%)
		Quy trình và thủ tục chưa đồng bộ	7/168 (4,2%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
16	Hưng Yên	Vấn đề về công DVC quốc gia và VNeid	10/104 (9,6%)
		Thiếu định danh điện tử mức 2	8/104 (7,7%)
		Phần mềm và hệ thống gặp lỗi, chậm	7/104 (6,7%)
17	Khánh Hòa	Hướng dẫn xử lý cổng thông tin điện tử	3/65 (4,6%)
		Phần mềm báo lỗi trong quá trình nhập hồ sơ	2/65 (3,1%)
		Chậm trễ trong khâu xử lý hồ sơ	2/65 (3,1%)
18	Lai Châu	Thiếu trang thiết bị và cơ sở vật chất	7/38 (18,4%)
		Hệ thống thông tin chưa đồng bộ	6/38 (15,8%)
		Thiếu nhân lực và đào tạo	5/38 (13,2%)
19	Lâm Đồng	Phần mềm một cửa thường xuyên bị lỗi	10/124 (8,1%)
		Hệ thống không đồng bộ thông tin	9/124 (7,3%)
		Thiếu trang thiết bị và cơ sở vật chất	8/124 (6,5%)
20	Lạng Sơn	Vấn đề về thủ tục chứng thực điện tử	1/65 (1,5%)
		Khó khăn trong số hóa hồ sơ	3/65 (4,6%)
		Cổng dịch vụ công Quốc gia không hoạt động thông suốt	2/65 (3,1%)
21	Lào Cai	Máy lấy số xếp hàng tự động và màn hình hiển thị số chưa được trang bị	28/99 (28,3%)
		Phần mềm hộ tịch và dịch vụ quốc gia chưa liên thông	6/99 (6,1%)
		Hệ thống mạng chậm, không ổn định	4/99 (4,0%)
22	Nghệ An	Không có phản hồi	1/130 (0,8%)
23	Ninh Bình	Lỗi hệ thống phần mềm hộ tịch	12/129 (9,3%)
		Tốc độ đường truyền chậm	10/129 (7,8%)
		Hệ thống chưa đồng bộ dữ liệu	9/129 (7,0%)
24	Phú Thọ	Thiết bị cũ, hỏng	10/148 (6,8%)
		Hệ thống lỗi, chậm	8/148 (5,4%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
		Chưa liên thông thủ tục hành chính	6/148 (4,1%)
25	Quảng Ngãi	Thiếu trang thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số	15/96 (15,6%)
		Phần mềm dịch vụ công thường xuyên bị lỗi	12/96 (12,5%)
		Hệ thống không đồng bộ giữa các phần mềm	10/96 (10,4%)
26	Quảng Ninh	Cổng dịch vụ công quốc gia không ổn định	1/54 (1,9%)
		Thiết bị tra cứu TTHC hỏng	3/54 (5,6%)
		Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chưa đầy đủ	1/54 (1,9%)
27	Quảng Trị	Thiếu trang thiết bị và cơ sở vật chất	6/78 (7,7%)
		Người dân chưa cài đặt định danh mức 2	4/78 (5,1%)
		Hệ thống thanh toán trực tuyến bị lỗi	1/78 (1,3%)
28	Tây Ninh	Lỗi trong việc nộp hồ sơ trực tuyến	8/96 (8,3%)
		Cơ sở hạ tầng thông tin và trang thiết bị chưa đảm bảo	6/96 (6,2%)
		Phần mềm không đồng bộ và lỗi khi xử lý hồ sơ	5/96 (5,2%)
29	Thái Nguyên	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính chưa liên thông	12/92 (13,0%)
		Phần mềm không đồng bộ và gặp lỗi	10/92 (10,9%)
		Thiếu trang thiết bị và cơ sở vật chất	8/92 (8,7%)
30	Thanh Hóa	Phần mềm dịch vụ công không ổn định, thường xuyên bị lỗi	14/166 (8,4%)
		Hệ thống một cửa điện tử bị tắc nghẽn, không thông tuyến	10/166 (6,0%)
		Thiếu nhân sự có kỹ năng công nghệ thông tin	6/166 (3,6%)
31	Tuyên Quang	Thiếu cán bộ công nghệ thông tin	5/124 (4,0%)
		Trình độ công nghệ thông tin của người dân hạn chế	4/124 (3,2%)
		Hệ thống phần mềm gặp lỗi	3/124 (2,4%)
32	Vĩnh Long	Phần mềm hộ tịch điện tử hoạt động chậm, thường xuyên bị treo	12/124 (9,7%)
		Hệ thống phần mềm chưa liên thông hiệu quả	10/124 (8,1%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
		Thiếu trang thiết bị và hạ tầng phục vụ công tác	9/124 (7,3%)

Phụ lục 7
Các nhiệm vụ thường xuyên trong Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị đang tiến hành
1	Đẩy mạnh kết nối, liên thông dữ liệu, ứng dụng phục vụ chỉ đạo, điều hành của các lãnh đạo và các cấp chính quyền, đáp ứng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (đối với cấp địa phương).	Các bộ, ngành, địa phương	Thường xuyên	Bộ Khoa học và Công nghệ, Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Cần Thơ, Thái Nguyên, Tây Ninh, Sơn La, Quảng Trị, Quảng Ninh, Phú Thọ, Ninh Bình, Nghệ An, Lào Cai, Lai Châu, Hà Tĩnh, Gia Lai, Đồng Tháp, Điện Biên, Đắk Lắk, Đài Truyền hình Việt Nam, Bộ Y tế, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Công thương, Bộ Công an, Bắc Ninh.
2	Chủ trì phối hợp Bộ Công an hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện việc cắt bỏ các giấy tờ thủ tục đã có dữ liệu.	Văn phòng Chính phủ	Thường xuyên	Văn phòng Chính phủ.
3	Tổ chức chương trình nâng cao kỹ năng số cho người dân hoặc các chương trình hỗ trợ người dân thực hiện số hóa và nộp hồ sơ; triển khai các hoạt động truyền thông chủ động và minh bạch; truyền tải lợi ích của việc thực hiện DVCTT và tăng tương tác 2 chiều giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước.	Các địa phương	Thường xuyên	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị đang tiến hành
4	Theo phân cấp, chủ động bố trí nguồn lực, kinh phí thực hiện phân loại hồ sơ, tài liệu để xác định những loại tài liệu cần số hóa; bảo đảm trang thiết bị đầu cuối; đường truyền; bố trí nhân sự và đào tạo, tập huấn nghiệp vụ tham gia số hóa.	Địa phương	Thường xuyên	
5	Nâng cấp các chức năng, kịp thời cập nhật điều chỉnh quy trình, thông tin, dữ liệu của hệ thống đáp ứng yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, triển khai Công Dịch vụ công quốc gia trở thành “điểm một cửa số” tập trung, duy nhất.	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Thường xuyên	
6	Trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng, phát triển và kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu các hệ thống thông tin của cơ quan mình vào các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, bảo đảm tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.	Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Đảng ủy Quốc hội, Hội Nông dân Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.	Thường xuyên	Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Mặt trận tổ quốc các đoàn thể Trung ương, Trung ương Hội Nông dân.
7	Bảo đảm nguồn cung năng lượng điện ổn định, hiệu quả và bền vững.	Bộ Công Thương, EVN	Thường xuyên	Bộ Công thương, EVN.

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị đang tiến hành
8	Chủ động tiến hành rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng hạ tầng công nghệ thông tin. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch tổng thể về đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, đường truyền, bảo đảm đồng bộ, hiện đại.	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Toà án nhân dân tối cao, Hội Nông dân Việt Nam, Hội đồng Dân tộc, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Ủy ban Dân nguyện và Giám sát, Ủy ban Công tác đại biểu, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Văn hóa và Xã hội, Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường, Ủy ban Quốc phòng An ninh và Đối ngoại, Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Ủy ban Pháp luật và Tư pháp, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.	Thường xuyên	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội đồng Dân tộc, Đảng ủy Mặt trận tổ quốc các đoàn thể Trung ương, Ủy ban Công tác đại biểu, Ủy ban Dân nguyện và Giám sát, Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường, Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Ủy ban Pháp luật và Tư pháp, Ủy ban Quốc phòng An ninh và Đối ngoại, Ủy ban Văn hóa và Xã hội, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Trung ương Hội Nông dân, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Toà án nhân dân tối cao.
9	Đồng bộ dữ liệu CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành về CSDL tổng hợp quốc gia, đảm bảo người dân chỉ kê khai thông tin một lần. Nghiên cứu cơ chế cho phép các doanh nghiệp triển khai, đảm nhận các dịch vụ công của cơ quan nhà nước.	Các Bộ, ngành, địa phương	Thường xuyên	Tuyên Quang, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hải Phòng, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Cần Thơ, Thái Nguyên, Sơn La, Quảng Trị, Quảng Ninh, Ninh Bình, Nghệ An, Lào Cai, Lạng Sơn, Lai Châu, Khánh Hòa, Hưng Yên, Hà Tĩnh, Đồng Tháp, Điện Biên, Đắk Lắk, Cao Bằng, Cà Mau, Bộ Y tế, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Công thương, Bộ Công an, Bắc Ninh.

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị đang tiến hành
10	Hoàn thành rà soát, cấu trúc lại các thủ tục hành chính chuyển từ thủ công trên giấy sang môi trường điện tử.	Các địa phương	Thường xuyên	
11	Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định, phục vụ tái sử dụng thông tin, dữ liệu.	Các bộ, ngành, địa phương	Thường xuyên	Bộ Tư pháp, Thành phố Huế, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hải Phòng, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Cần Thơ, Thái Nguyên, Tây Ninh, Sơn La, Quảng Trị, Quảng Ninh, Quảng Ngãi, Phú Thọ, Ninh Bình, Lào Cai, Lạng Sơn, Lai Châu, Hà Tĩnh, Gia Lai, Đồng Tháp, Đồng Nai, Điện Biên, Đắk Lắk, Cà Mau, Bộ Y tế, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bắc Ninh.
12	Tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá, nâng cấp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, kết nối, chia sẻ dữ liệu để bảo đảm cung cấp thực chất, hiệu quả 25 DVCTT toàn trình, 982 DVCTT với số lượng hồ sơ trung bình phát sinh 1.000 hồ sơ/năm/tỉnh, 82 nhóm TTHC toàn trình, 1.139 TTHC có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu.	Các bộ, ngành, địa phương	Thường xuyên	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Quảng Trị, Sơn La, Tây Ninh, Thái Nguyên, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hải Phòng, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Y tế, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Công Thương, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đồng Tháp, Điện Biên, Đắk Lắk, Cao Bằng, Cà Mau, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ngãi, Quảng Ninh.
13	Tổ chức các khoá đào tạo, tập huấn về kỹ năng số, kỹ năng vận hành hệ thống mới cho cán bộ, công chức, viên chức	Các bộ, ngành, địa phương	Thường xuyên	Thành phố Đà Nẵng, Bắc Ninh, Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ,

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành	Đơn vị đang tiến hành
				Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Cà Mau, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đắk Lắk, Điện Biên, Đồng Tháp, Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Lào Cai, Ninh Bình, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Quảng Trị, Sơn La.
14	Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan: (1) Triển khai các giải pháp giám sát, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin cho chuyển đổi số. (2) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện phương án ứng cứu sự cố, bảo vệ dữ liệu và khôi phục hoạt động trong trường hợp bị tấn công mạng.	Bộ Công an	Thường xuyên	Bộ Công an
15	Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo mật cơ yếu đối với hạ tầng đường truyền, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, ứng dụng.	Ban Cơ yếu Chính phủ	Thường xuyên	Ban cơ yếu Chính phủ

Phụ lục 8
BÁO CÁO SỐ LƯỢNG HỒ SƠ ĐỒNG BỘ LÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA
TRONG NGÀY 21/09/2025

*Nguồn số liệu về thủ tục hành chính được cung cấp bởi Cổng Dịch vụ công Quốc gia:
<https://dichvucong.gov.vn/> (đồng bộ: 03:00:39 22/09/2025)*

I. Tình hình tiếp nhận xử lý hồ sơ tại các đơn vị ghi nhận trên Cổng DVCQG

STT	Tên cơ quan	Thực tiếp	Thực tuyến	Đã trả	Tổng	Tỉ lệ hồ sơ thực tuyến	Trung bình ngày tháng 6
1	Thành phố Hồ Chí Minh	334	1555	2643	1889	82,32%	17133
2	Tỉnh Bắc Ninh	9	1716	1734	1725	99,48%	3081
3	Tỉnh Thanh Hóa	1	1419	602	1420	99,93%	4259
4	Thành phố Hải Phòng	313	1001	1288	1314	76,18%	4313
5	Tỉnh Gia Lai	169	923	513	1092	84,52%	1891
6	Tỉnh Ninh Bình	33	903	1254	936	96,47%	3380
7	Tỉnh Nghệ An	20	623	502	643	96,89%	2919
8	Thành phố Hà Nội	0	542	220	542	100%	6466
9	Tỉnh Phú Thọ	115	367	259	482	76,14%	3521
10	Tỉnh Lâm Đồng	18	458	667	476	96,22%	3481
11	Tỉnh Đắk Lắk	60	346	458	406	85,22%	3499
12	Thành phố Cần Thơ	33	358	338	391	91,56%	2700
13	Tỉnh Đồng Nai	12	367	848	379	96,83%	3698
14	Tỉnh Thái Nguyên	10	363	298	373	97,32%	2250
15	Thành phố Đà Nẵng	20	340	504	360	94,44%	3100
16	Tỉnh Khánh Hòa	7	257	424	264	97,35%	1666
17	Tỉnh Tuyên Quang	5	214	207	219	97,72%	1664
18	Tỉnh An Giang	23	176	416	199	88,44%	2955
19	Tỉnh Cà Mau	12	169	151	181	93,37%	1578
20	Tỉnh Hà Tĩnh	2	168	132	170	98,82%	1290
21	Tỉnh Quảng Ngãi	12	155	210	167	92,81%	1952
22	Tỉnh Hưng Yên	47	110	48	157	70,06%	2118
23	Tỉnh Đồng Tháp	7	135	156	142	95,07%	1536
24	Tỉnh Vĩnh Long	55	71	35	126	56,35%	2309
25	Tỉnh Tây Ninh	12	89	146	101	88,12%	4006
26	Tỉnh Điện Biên	28	71	62	99	71,72%	276
27	Tỉnh Cao Bằng	10	67	34	77	87,01%	320
28	Tỉnh Lai Châu	1	71	24	72	98,61%	160
29	Tỉnh Quảng Ninh	1	70	73	71	98,59%	651
30	Tỉnh Lào Cai	0	71	161	71	100%	1266
31	Tỉnh Lạng Sơn	22	34	104	56	60,71%	683
32	Tỉnh Quảng Trị	17	37	124	54	68,52%	1523
33	Thành phố Huế	4	25	65	29	86,21%	1048
34	Tỉnh Sơn La	0	15	80	15	100%	513
Tổng		1412	13286	14780	14698	90,39%	93205

II. Hồ sơ nộp ở UBND cấp xã ghi nhận trên cổng DVCQG

STT	Tên cơ quan	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã trả	Tổng	Tỉ lệ hồ sơ trực tuyến
1	Tỉnh Bắc Ninh	9	1707	1732	1716	99,48%
2	Thành phố Hồ Chí Minh	319	1243	2126	1562	79,58%
3	Thành phố Hải Phòng	297	926	798	1223	75,72%
4	Tỉnh Gia Lai	168	886	420	1054	84,06%
5	Tỉnh Thanh Hóa	1	1024	534	1025	99,90%
6	Tỉnh Ninh Bình	27	866	930	893	96,98%
7	Tỉnh Nghệ An	1	546	441	547	99,82%
8	Thành phố Hà Nội	0	536	217	536	100%
9	Tỉnh Phú Thọ	12	350	219	362	96,69%
10	Tỉnh Thái Nguyên	0	294	224	294	100%
11	Tỉnh Lâm Đồng	4	217	419	221	98,19%
12	Tỉnh Đồng Nai	11	195	318	206	94,66%
13	Tỉnh Đắk Lắk	24	170	190	194	87,63%
14	Tỉnh Tuyên Quang	5	183	155	188	97,34%
15	Thành phố Đà Nẵng	17	145	432	162	89,51%
16	Tỉnh Quảng Ngãi	12	140	194	152	92,11%
17	Tỉnh Cà Mau	11	132	129	143	92,31%
18	Tỉnh An Giang	15	123	236	138	89,13%
19	Thành phố Cần Thơ	14	98	230	112	87,50%
20	Tỉnh Hà Tĩnh	2	100	93	102	98,04%
21	Tỉnh Khánh Hòa	7	94	189	101	93,07%
22	Tỉnh Hưng Yên	0	99	41	99	100%
23	Tỉnh Đồng Tháp	2	75	108	77	97,40%
24	Tỉnh Cao Bằng	9	67	34	76	88,16%
25	Tỉnh Tây Ninh	5	69	137	74	93,24%
26	Tỉnh Lai Châu	1	71	24	72	98,61%
27	Tỉnh Lào Cai	0	71	38	71	100%
28	Tỉnh Điện Biên	3	65	32	68	95,59%
29	Tỉnh Vĩnh Long	6	58	20	64	90,62%
30	Tỉnh Lạng Sơn	21	21	66	42	50%
31	Tỉnh Quảng Trị	17	20	119	37	54,05%
32	Tỉnh Quảng Ninh	0	33	70	33	100%
33	Thành phố Huế	0	19	64	19	100%
34	Tỉnh Sơn La	0	9	75	9	100%
Tổng		1020	10652	11054	11672	91,26%

III. Tình hình tiếp nhận xử lý hồ sơ ghi nhận trên Cổng DVCQG từ ngày 01/7/2025 – đến ngày 21/09/2025

STT	Tên cơ quan	Trực tiếp			Trực tuyến			Đã trả			Tổng			Tỉ lệ hồ sơ trực tuyến		
		Tỉnh	Xã	Tổng	Tỉnh	Xã	Tổng	Tỉnh	Xã	Tổng	Tỉnh	Xã	Tổng	Tỉnh	Xã	Tổng
1	Tỉnh Bắc Ninh	13737	12779	26516	364682	316960	681642	348024	306837	654861	378419	329739	708158	96,37%	96,12%	96,26%
2	Tỉnh Thanh Hóa	23331	15418	38749	389088	290118	679206	383982	293676	677658	412419	305536	717955	94,34%	94,95%	94,60%
3	Thành phố Hà Nội	49158	23210	72368	720608	507347	1227955	683237	508455	1191692	769766	530557	1300323	93,61%	95,63%	94,43%
4	Tỉnh Hà Tĩnh	8181	6858	15039	136726	107368	244094	123510	104744	228254	144907	114226	259133	94,35%	94%	94,20%
5	Thành phố Huế	12644	7107	19751	142155	125805	267960	138564	120193	258757	154799	132912	287711	91,83%	94,65%	93,14%
6	Tỉnh Tuyên Quang	15559	13050	28609	134128	119227	253355	141324	127405	268729	149687	132277	281964	89,61%	90,13%	89,85%
7	Tỉnh Thái Nguyên	24447	16312	40759	187643	165683	353326	193114	165770	358884	212090	181995	394085	88,47%	91,04%	89,66%
8	Tỉnh Đồng Nai	54218	35662	89880	424034	246130	670164	424496	262719	687215	478252	281792	760044	88,66%	87,34%	88,17%
9	Tỉnh An Giang	47933	21352	69285	229482	173476	402958	254062	183430	437492	277415	194828	472243	82,72%	89,04%	85,33%
10	Tỉnh Quảng Ninh	28825	21848	50673	152878	107275	260153	165539	121100	286639	181703	129123	310826	84,14%	83,08%	83,70%
11	Tỉnh Ninh Bình	64688	31438	96126	252798	216999	469797	295322	243447	538769	317486	248437	565923	79,62%	87,35%	83,01%
12	Tỉnh Lào Cai	36449	26997	63446	153918	137938	291856	177593	155545	333138	190367	164935	355302	80,85%	83,63%	82,14%
13	Tỉnh Cà Mau	36200	29258	65458	158325	126218	284543	175832	141435	317267	194525	155476	350001	81,39%	81,18%	81,30%
14	Tỉnh Gia Lai	71031	65212	136243	306308	283655	589963	343628	318672	662300	377339	348867	726206	81,18%	81,31%	81,24%
15	Tỉnh Hưng Yên	57621	50923	108544	245731	219382	465113	283057	254729	537786	303352	270305	573657	81,01%	81,16%	81,08%
16	Tỉnh Phú Thọ	79707	69265	148972	288725	271950	560675	333690	308776	642466	368432	341215	709647	78,37%	79,70%	79,01%
17	Tỉnh Nghệ An	89489	68845	158334	312335	249768	562103	348295	292981	641276	401824	318613	720437	77,73%	78,39%	78,02%
18	Tỉnh Lâm Đồng	102668	51683	154351	301240	231563	532803	352868	254955	607823	403908	283246	687154	74,58%	81,75%	77,54%
19	Tỉnh Lai Châu	11410	7563	18973	33507	31951	65458	41992	37103	79095	44917	39514	84431	74,60%	80,86%	77,53%
20	Thành phố Đà Nẵng	74808	48611	123419	246417	174395	420812	264884	204847	469731	321225	223006	544231	76,71%	78,20%	77,32%
21	Tỉnh Đắk Lắk	108410	55316	163726	270592	188516	459108	329547	216773	546320	379002	243832	622834	71,40%	77,31%	73,71%
22	Tỉnh Điện Biên	10331	6396	16727	26085	20427	46512	34306	24870	59176	36416	26823	63239	71,63%	76,15%	73,55%
23	Thành phố Hải Phòng	148606	116731	265337	386731	277390	664121	498659	374273	872932	535337	394121	929458	72,24%	70,38%	71,45%
24	Tỉnh Quảng Trị	42470	40958	83428	101768	88777	190545	127122	114759	241881	144238	129735	273973	70,56%	68,43%	69,55%
25	Thành phố Cần Thơ	85247	50208	135455	171505	127079	298584	230699	164655	395354	256752	177287	434039	66,80%	71,68%	68,79%
26	Tỉnh Tây Ninh	113771	104378	218149	237501	219781	457282	309375	285416	594791	351272	324159	675431	67,61%	67,80%	67,70%
27	Tỉnh Quảng Ngãi	68993	64714	133707	141338	127635	268973	183205	167046	350251	210331	192349	402680	67,20%	66,36%	66,80%
28	Tỉnh Đồng Tháp	106862	76784	183646	171070	151629	322699	256882	211328	468210	277932	228413	506345	61,55%	66,38%	63,73%
29	Tỉnh Vĩnh Long	111392	63924	175316	154314	143574	297888	235713	191770	427483	265706	207498	473204	58,08%	69,19%	62,95%
30	Thành phố Hồ Chí Minh	479126	340158	819284	715873	507584	1223457	1105817	792217	1898034	1194999	847742	2042741	59,91%	59,87%	59,89%
31	Tỉnh Khánh Hòa	97151	55768	152919	128010	81801	209811	185190	113414	298604	225161	137569	362730	56,85%	59,46%	57,84%
32	Tỉnh Cao Bằng	34935	31066	66001	35049	30322	65371	64705	58191	122896	69984	61388	131372	50,08%	49,39%	49,76%
33	Tỉnh Sơn La	54095	49974	104069	47580	37697	85277	99418	86099	185517	101675	87671	189346	46,80%	43%	45,04%
34	Tỉnh Lạng Sơn	54227	47974	102201	32493	21332	53825	76127	62821	138948	86720	69306	156026	37,47%	30,78%	34,50%
Tổng		2417720	1727740	4145460	7800637	6126752	13927389	9209778	7270451	16480229	10218357	7854492	18072849	76,34%	78%	77,06%

Phụ lục 9
Tình hình hoàn thành các tiêu chí của Đảng ủy cấp xã tại các tỉnh thành phố

STT	Tiêu chí	Số tỉnh/thành phố < 50%	Top 10 tỉnh/thành phố thấp nhất (<50%)
1	Cơ quan đã sử dụng phần mềm quản lý cán bộ, công chức phục vụ công tác tổ chức, nhân sự trong cơ quan Đảng	33	Lạng Sơn (3.08% (2/65)); Hưng Yên (11.54% (12/104)); Cao Bằng (14.29% (8/56)); Vĩnh Long (14.52% (18/124)); Lâm Đồng (16.13% (20/124)); Đắk Lắk (16.67% (17/102)); Ninh Bình (17.05% (22/129)); TP. Đà Nẵng (18.09% (17/94)); Lai Châu (18.42% (7/38)); Sơn La (18.67% (14/75))
2	Đảng ủy xã đã phổ biến đến các tổ chức đảng nơi cư trú và cán bộ, đảng viên thực hiện các thủ tục hành chính của Đảng trên Cổng Dịch vụ công quốc gia chưa?	32	Lai Châu (5.26% (2/38)); TP. Đà Nẵng (8.51% (8/94)); Hưng Yên (9.62% (10/104)); An Giang (9.8% (10/102)); Vĩnh Long (11.29% (14/124)); Đồng Tháp (12.75% (13/102)); TP. Hải Phòng (13.16% (15/114)); Ninh Bình (13.95% (18/129)); Sơn La (14.67% (11/75)); Quảng Ninh (14.81% (8/54))
3	Việc ban hành và thực thi quy chế, quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cá nhân, đơn vị	30	Lai Châu (10.53% (4/38)); Lạng Sơn (18.46% (12/65)); An Giang (18.63% (19/102)); Vĩnh Long (20.16% (25/124)); Quảng Ngãi (21.88% (21/96)); TP. Đà Nẵng (22.34% (21/94)); Cao Bằng (23.21% (13/56)); Lâm Đồng (23.39% (29/124)); Ninh Bình (24.03% (31/129)); TP. Cần Thơ (25.24% (26/103))
4	Đảng ủy xã đã triển khai cho đảng viên trong Đảng bộ xã sử dụng “Sổ tay Đảng viên điện tử” theo hướng dẫn của cấp trên	20	Ninh Bình (20.16% (26/129)); Nghệ An (20.77% (27/130)); Đắk Lắk (21.57% (22/102)); Thanh Hóa (22.89% (38/166)); Hà Tĩnh (24.64% (17/69)); TP. Hải Phòng (25.44% (29/114)); An Giang (27.45% (28/102)); Tây Ninh (29.17% (28/96)); Bắc Ninh (30.3% (30/99)); Vĩnh Long (33.06% (41/124))
5	Đảng ủy (hoặc Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy) xã đã đưa nội dung chuyển đổi số vào chương trình kiểm tra, giám sát năm 2025 đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên	9	Vĩnh Long (33.87% (42/124)); Đồng Tháp (34.31% (35/102)); Cao Bằng (37.5% (21/56)); Tây Ninh (38.54% (37/96)); Ninh Bình (39.53% (51/129)); An Giang (42.16% (43/102)); Lai Châu (44.74% (17/38)); Lạng Sơn (46.15% (30/65)); Nghệ An (46.92% (61/130))

STT	Tiêu chí	Số tỉnh/thành phố < 50%	Top 10 tỉnh/thành phố thấp nhất (<50%)
6	Đảng ủy xã đã chỉ đạo đưa nội dung chuyển đổi số vào sinh hoạt chi bộ tại các thôn/xóm	6	Điện Biên (33.33% (15/45)); TP. Huế (37.5% (15/40)); Cao Bằng (42.86% (24/56)); Ninh Bình (44.19% (57/129)); Lai Châu (47.37% (18/38)); Lâm Đồng (47.58% (59/124))
7	Đảng ủy xã có coi kết quả thực hiện chuyển đổi số là một tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại cán bộ, đảng viên cuối năm 2025 tại địa phương	3	Cao Bằng (41.07% (23/56)); Lạng Sơn (44.62% (29/65)); Vĩnh Long (48.39% (60/124))
8	Tình hình triển khai các chức năng chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của cơ quan	1	Lạng Sơn (40.0% (26/65))

Phụ lục 10
Tình hình hoàn thành các tiêu chí của Hội đồng Nhân dân cấp xã tại các tỉnh thành phố

STT	Tiêu chí	Số tỉnh/thành phố < 50%	Top 10 tỉnh/thành phố thấp nhất (<50%)
1	Ban hành văn bản giám sát: HĐND xã hoặc Thường trực HĐND đã ban hành nghị quyết, quyết định hoặc kế hoạch giám sát chuyên đề về việc thực hiện chuyển đổi số	33	Khánh Hòa (6.15% (4/65)); Lai Châu (10.53% (4/38)); Lạng Sơn (10.77% (7/65)); Cao Bằng (14.29% (8/56)); Hà Tĩnh (14.49% (10/69)); Đồng Tháp (14.71% (15/102)); Quảng Ninh (16.67% (9/54)); Lào Cai (17.17% (17/99)); Vĩnh Long (17.74% (22/124)); Ninh Bình (17.83% (23/129))
2	Việc ban hành và thực thi quy chế, quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cá nhân, đơn vị	33	Cao Bằng (7.14% (4/56)); Lạng Sơn (9.23% (6/65)); TP. Cần Thơ (13.59% (14/103)); Đồng Tháp (14.71% (15/102)); Lai Châu (15.79% (6/38)); Vĩnh Long (17.74% (22/124)); Quảng Ngãi (19.79% (19/96)); Hà Tĩnh (20.29% (14/69)); Lâm Đồng (21.77% (27/124)); Cà Mau (21.88% (14/64))
3	Phối hợp kiểm tra: Đại biểu HĐND xã có tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát do cấp trên tổ chức về nội dung chuyển đổi số tại địa phương	33	Khánh Hòa (9.23% (6/65)); TP. Hồ Chí Minh (11.31% (19/168)); Vĩnh Long (12.1% (15/124)); Lạng Sơn (12.31% (8/65)); Lai Châu (13.16% (5/38)); Đồng Tháp (13.73% (14/102)); TP. Huế (17.5% (7/40)); Quảng Trị (17.95% (14/78)); Lâm Đồng (18.55% (23/124)); TP. Cần Thơ (21.36% (22/103))
4	Chất vấn và thảo luận: Tại kỳ họp HĐND xã gần nhất, các đại biểu HĐND có chất vấn hoặc thảo luận về kết quả triển khai chuyển đổi số ở xã	33	Khánh Hòa (1.54% (1/65)); Lạng Sơn (1.54% (1/65)); Lai Châu (2.63% (1/38)); TP. Hồ Chí Minh (5.36% (9/168)); Cao Bằng (7.14% (4/56)); Vĩnh Long (7.26% (9/124)); TP. Huế (7.5% (3/40)); TP. Hà Nội (8.73% (11/126)); TP. Cần Thơ (8.74% (9/103)); Đồng Tháp (8.82% (9/102))
5	Giám sát chuyên đề: HĐND xã (Ban Kinh tế - Ngân sách, Ban Văn hóa - Xã hội) có kế hoạch giám sát chuyên đề đối với công tác chuyển đổi số tại xã trong năm 2025	33	Lai Châu (5.26% (2/38)); Lạng Sơn (7.69% (5/65)); Vĩnh Long (10.48% (13/124)); Khánh Hòa (10.77% (7/65)); Đồng Tháp (11.76% (12/102)); Lâm Đồng (13.71% (17/124)); Cao Bằng (14.29% (8/56)); Hà Tĩnh (14.49% (10/69)); Điện Biên (17.78% (8/45)); TP. Hồ Chí Minh (17.86% (30/168))

STT	Tiêu chí	Số tỉnh/thành phố < 50%	Top 10 tỉnh/thành phố thấp nhất (<50%)
6	Ngân sách cho chuyển đổi số: Khi phê duyệt dự toán ngân sách địa phương năm 2025, HĐND xã có bố trí kinh phí cho các hoạt động chuyển đổi số ở xã	31	Điện Biên (6.67% (3/45)); Lai Châu (10.53% (4/38)); TP. Cần Thơ (10.68% (11/103)); Khánh Hòa (10.77% (7/65)); Cao Bằng (12.5% (7/56)); Vĩnh Long (13.71% (17/124)); Lạng Sơn (13.85% (9/65)); TP. Huế (20.0% (8/40)); Tuyên Quang (20.16% (25/124)); TP. Hồ Chí Minh (24.4% (41/168))
7	Hệ thống thông tin HĐND: HĐND xã có được cấp quyền sử dụng hệ thống thông tin quản lý kỳ họp, tài liệu (không giấy) hoặc ứng dụng nào phục vụ hoạt động của HĐND	29	Cao Bằng (14.29% (8/56)); Điện Biên (15.56% (7/45)); TP. Cần Thơ (18.45% (19/103)); Vĩnh Long (19.35% (24/124)); Lai Châu (21.05% (8/38)); Thái Nguyên (26.09% (24/92)); Sơn La (29.33% (22/75)); Cà Mau (31.25% (20/64)); Lào Cai (31.31% (31/99)); Thanh Hóa (31.33% (52/166))
8	HĐND xã có triển khai họp, trao đổi công việc qua hình thức trực tuyến	27	Lạng Sơn (18.46% (12/65)); Lai Châu (21.05% (8/38)); Hà Tĩnh (24.64% (17/69)); Khánh Hòa (26.15% (17/65)); Vĩnh Long (26.61% (33/124)); Cao Bằng (26.79% (15/56)); TP. Hồ Chí Minh (30.95% (52/168)); Ninh Bình (31.01% (40/129)); Quảng Ninh (33.33% (18/54)); TP. Cần Thơ (33.98% (35/103))
9	Danh sách và tiểu sử của đại biểu HĐND xã đã được cập nhật trên cổng/trang thông tin điện tử của xã hoặc hệ thống quản lý đại biểu của HĐND cấp trên	22	Lạng Sơn (16.92% (11/65)); TP. Huế (22.5% (9/40)); Khánh Hòa (24.62% (16/65)); Vĩnh Long (25.81% (32/124)); Lai Châu (26.32% (10/38)); Cao Bằng (28.57% (16/56)); TP. Cần Thơ (31.07% (32/103)); Tuyên Quang (34.68% (43/124)); Hà Tĩnh (34.78% (24/69)); Đồng Tháp (36.27% (37/102))
10	Thông tin về hoạt động HĐND xã có được cập nhật công khai trên cổng thông tin điện tử	15	Khánh Hòa (18.46% (12/65)); TP. Cần Thơ (25.24% (26/103)); TP. Hồ Chí Minh (27.38% (46/168)); Lạng Sơn (27.69% (18/65)); Vĩnh Long (29.03% (36/124)); Điện Biên (31.11% (14/45)); Lai Châu (31.58% (12/38)); Cao Bằng (33.93% (19/56)); An Giang (44.12% (45/102)); Đắk Lắk (44.12% (45/102))
11	Tình hình triển khai các chức năng chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của cơ quan	10	Lạng Sơn (16.92% (11/65)); Cao Bằng (32.14% (18/56)); Lai Châu (34.21% (13/38)); Đồng Tháp (36.27% (37/102)); Vĩnh Long (37.1% (46/124)); TP. Cần Thơ (42.72% (44/103)); Ninh

STT	Tiêu chí	Số tỉnh/thành phố < 50%	Top 10 tỉnh/thành phố thấp nhất (<50%)
			Bình (46.51% (60/129)); Thái Nguyên (47.83% (44/92)); Quảng Ninh (48.15% (26/54)); Hưng Yên (49.04% (51/104))
12	Thường trực HĐND theo dõi: Thường trực HĐND xã có yêu cầu UBND xã báo cáo định kỳ về tiến độ triển khai Kế hoạch 02 để theo dõi, đôn đốc	8	Lạng Sơn (32.31% (21/65)); Lai Châu (39.47% (15/38)); Khánh Hòa (40.0% (26/65)); Hà Tĩnh (43.48% (30/69)); TP. Huế (45.0% (18/40)); Cao Bằng (46.43% (26/56)); Vĩnh Long (46.77% (58/124)); TP. Hồ Chí Minh (47.02% (79/168))
13	HĐND xã đã đưa nội dung chuyển đổi số vào nghị quyết của HĐND về phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương năm 2025	7	Khánh Hòa (24.62% (16/65)); Cao Bằng (32.14% (18/56)); Lạng Sơn (40.0% (26/65)); TP. Cần Thơ (41.75% (43/103)); Lai Châu (42.11% (16/38)); Hà Tĩnh (44.93% (31/69)); TP. Huế (47.5% (19/40))
14	Trong các cuộc tiếp xúc cử tri, đại biểu HĐND xã có tuyên truyền, giải thích cho cử tri về chủ trương chuyển đổi số, về những thay đổi thủ tục hành chính sau sáp nhập và hướng dẫn cử tri thực hiện dịch vụ công trực tuyến	2	Khánh Hòa (43.08% (28/65)); Lạng Sơn (44.62% (29/65))
15	Thường trực HĐND và các Ban HĐND xã nhận tài liệu kỳ họp, báo cáo từ UBND xã dưới dạng điện tử hay văn bản văn bản giấy	1	Lạng Sơn (46.15% (30/65))
16	Đã triển khai việc chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tại địa phương	1	Lạng Sơn (40.0% (26/65))
17	HĐND xã (thông qua các đại biểu) có tham gia vận động nhân dân hưởng ứng các chủ trương chuyển đổi số của địa phương	1	Lạng Sơn (47.69% (31/65))

Phụ lục 11
Tình hình hoàn thành các tiêu chí của Ủy ban Nhân dân cấp xã tại các tỉnh thành phố

STT	Tiêu chí	Số tỉnh/thành phố < 50%	Top 10 tỉnh/thành phố thấp nhất (<50%)
1	Có kịch bản, phương án hướng dẫn hỗ trợ người dân yếu thế và xử lý các tình huống thường gặp	34	Tất cả các tỉnh/thành phố
2	UBND xã đã ban hành các quy định, quy chế liên quan nhằm đáp ứng yêu cầu vận hành bộ máy, cải cách hành chính và chuyển đổi số trong hệ thống chính trị hiện nay	32	Cao Bằng (10.71% (6/56)); TP. Cần Thơ (14.56% (15/103)); Đắk Lắk (16.67% (17/102)); Khánh Hòa (16.92% (11/65)); Vĩnh Long (18.55% (23/124)); TP. Hồ Chí Minh (20.24% (34/168)); Lâm Đồng (20.97% (26/124)); Quảng Ngãi (22.92% (22/96)); Đồng Nai (24.21% (23/95)); Đồng Tháp (24.51% (25/102))
3	UBND xã cập nhật dữ liệu cán bộ, công chức trên phần mềm nhân sự	27	Khánh Hòa (21.54% (14/65)); Hưng Yên (23.08% (24/104)); TP. Hồ Chí Minh (25.6% (43/168)); Lâm Đồng (25.81% (32/124)); Điện Biên (26.67% (12/45)); Vĩnh Long (28.23% (35/124)); Lai Châu (28.95% (11/38)); An Giang (31.37% (32/102)); Đắk Lắk (34.31% (35/102)); Lào Cai (34.34% (34/99))
4	Trong năm 2025, UBND xã đã chủ động tham mưu bố trí kinh phí cho chuyển đổi số	25	Điện Biên (15.56% (7/45)); TP. Cần Thơ (16.5% (17/103)); Cao Bằng (19.64% (11/56)); Khánh Hòa (21.54% (14/65)); TP. Huế (25.0% (10/40)); Lâm Đồng (26.61% (33/124)); Vĩnh Long (27.42% (34/124)); An Giang (28.43% (29/102)); Đắk Lắk (28.43% (29/102)); Lai Châu (28.95% (11/38))
5	Việc ban hành và thực thi quy chế, quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cá nhân, đơn vị	17	Vĩnh Long (31.45% (39/124)); Cao Bằng (32.14% (18/56)); Lai Châu (34.21% (13/38)); TP. Hồ Chí Minh (35.71% (60/168)); TP. Cần Thơ (35.92% (37/103)); Đồng Tháp (36.27% (37/102)); An Giang (38.24% (39/102)); Quảng Ngãi (38.54% (37/96)); Lâm Đồng (39.52% (49/124)); Hưng Yên (41.35% (43/104))
6	UBND xã khai thác thường xuyên CSDL quốc gia phục vụ giải quyết TTHC	9	Lai Châu (28.95% (11/38)); TP. Hà Nội (36.51% (46/126)); TP. Hồ Chí Minh (40.48% (68/168)); Vĩnh Long (41.13% (51/124)); Hưng Yên (42.31% (44/104)); Quảng Ninh (46.3% (25/54)); Lâm Đồng (47.58% (59/124)); Cao Bằng (48.21% (27/56)); Ninh Bình (48.84% (63/129))

STT	Tiêu chí	Số tỉnh/thành phố < 50%	Top 10 tỉnh/thành phố thấp nhất (<50%)
7	Các hệ thống khác	6	Lai Châu (42.11% (16/38)); Vĩnh Long (44.35% (55/124)); TP. Hồ Chí Minh (45.83% (77/168)); Khánh Hòa (46.15% (30/65)); Đồng Tháp (48.04% (49/102)); Lâm Đồng (48.39% (60/124))
8	UBND xã đã thành lập “Đội hỗ trợ chuyển đổi số phản ứng nhanh”	3	Cao Bằng (33.93% (19/56)); Lai Châu (39.47% (15/38)); Vĩnh Long (45.16% (56/124))
9	UBND xã triển khai Kế hoạch 02 tại địa phương	1	Cao Bằng (46.43% (26/56))
10	Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống CNTT, phân công cán bộ phụ trách an ninh mạng của xã	1	Lai Châu (34.21% (13/38))
11	UBND xã đã tổ chức quán triệt, tập huấn cho cán bộ, công chức của xã về các quy trình nghiệp vụ mới và kỹ năng vận hành hệ thống mới sau sáp nhập	1	Lai Châu (44.74% (17/38))
12	UBND xã có triển khai phương án “phục vụ tại chỗ, trọn gói” để hỗ trợ người dân yếu thế thực hiện thủ tục hành chính sau sáp nhập	1	Lai Châu (36.84% (14/38))

Phụ lục 12
Tình hình hoàn thành các tiêu chí của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã tại các tỉnh thành phố

STT	Tiêu chí	Số tỉnh/thành phố < 50%	Top 10 tỉnh/thành phố thấp nhất (<50%)
1	Việc ban hành và thực thi quy chế, quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cá nhân, đơn vị dựa trên kết quả theo dõi, thông kê từ hệ thống.	31	Lạng Sơn (13.85% (9/65)); Quảng Ngãi (15.62% (15/96)); Lai Châu (18.42% (7/38)); Đồng Tháp (19.61% (20/102)); TP. Đà Nẵng (20.21% (19/94)); TP. Huế (22.5% (9/40)); Lâm Đồng (23.39% (29/124)); TP. Hồ Chí Minh (25.6% (43/168)); TP. Cần Thơ (26.21% (27/103)); Cao Bằng (28.57% (16/56))
2	MTTQ xã và các tổ chức đoàn thể có cập nhật danh sách đoàn viên, hội viên vào hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung (do MTTQ cấp trên triển khai)	28	Khánh Hòa (15.38% (10/65)); TP. Hồ Chí Minh (25.6% (43/168)); TP. Hà Nội (26.19% (33/126)); Lai Châu (26.32% (10/38)); Lạng Sơn (27.69% (18/65)); Quảng Ngãi (29.17% (28/96)); TP. Đà Nẵng (31.91% (30/94)); TP. Huế (32.5% (13/40)); Đồng Nai (34.74% (33/95)); Hà Tĩnh (36.23% (25/69))
3	MTTQ xã đã đưa nội dung giám sát việc thực hiện chuyển đổi số của chính quyền vào chương trình giám sát, phản biện xã hội năm 2025	25	Lai Châu (10.53% (4/38)); Vĩnh Long (18.55% (23/124)); TP. Hồ Chí Minh (19.64% (33/168)); Lạng Sơn (21.54% (14/65)); Đồng Tháp (23.53% (24/102)); TP. Huế (25.0% (10/40)); Quảng Ngãi (26.04% (25/96)); Tây Ninh (26.04% (25/96)); An Giang (27.45% (28/102)); Lâm Đồng (28.23% (35/124))
4	Mô hình “Dân vận số”: MTTQ xã có triển khai mô hình nào sáng tạo trong công tác dân vận để thúc đẩy người dân hưởng ứng chuyển đổi số	20	Lai Châu (15.79% (6/38)); Lạng Sơn (21.54% (14/65)); Điện Biên (22.22% (10/45)); Khánh Hòa (23.08% (15/65)); Cao Bằng (28.57% (16/56)); Sơn La (32.0% (24/75)); TP. Huế (32.5% (13/40)); Quảng Ngãi (33.33% (32/96)); Vĩnh Long (33.87% (42/124)); TP. Hồ Chí Minh (35.71% (60/168))
5	MTTQ xã và các đoàn thể có sử dụng ứng dụng CNTT nào để hỗ trợ công tác giám sát, phản biện xã hội và tổng hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân	19	Lai Châu (13.16% (5/38)); Lạng Sơn (24.62% (16/65)); Khánh Hòa (27.69% (18/65)); Quảng Ngãi (29.17% (28/96)); Tây Ninh (33.33% (32/96)); TP. Hồ Chí Minh (33.93% (57/168)); TP. Cần Thơ (35.92% (37/103)); Vĩnh Long (36.29% (45/124)); Lâm Đồng (42.74% (53/124)); TP. Đà Nẵng (43.62% (41/94))

STT	Tiêu chí	Số tỉnh/thành phố < 50%	Top 10 tỉnh/thành phố thấp nhất (<50%)
6	Phản hồi tới chính quyền: MTTQ xã có tổng hợp và phản ánh các kiến nghị, ý kiến của nhân dân liên quan đến chuyển đổi số tới UBND xã hoặc cấp trên	19	Lai Châu (18.42% (7/38)); Khánh Hòa (27.69% (18/65)); Lạng Sơn (27.69% (18/65)); TP. Hồ Chí Minh (27.98% (47/168)); Điện Biên (28.89% (13/45)); Tây Ninh (29.17% (28/96)); TP. Cần Thơ (30.1% (31/103)); Quảng Ngãi (32.29% (31/96)); Vĩnh Long (33.06% (41/124)); Đồng Tháp (35.29% (36/102))
7	Ủy ban MTTQ Việt Nam xã đã ban hành kế hoạch hoặc hướng dẫn để thực hiện nhiệm vụ giám sát, vận động nhân dân tham gia chuyển đổi số tại địa phương theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương.	16	Lạng Sơn (30.77% (20/65)); TP. Hồ Chí Minh (31.55% (53/168)); Khánh Hòa (33.85% (22/65)); Lai Châu (34.21% (13/38)); TP. Huế (37.5% (15/40)); Vĩnh Long (39.52% (49/124)); TP. Hà Nội (42.06% (53/126)); Điện Biên (42.22% (19/45)); Đồng Tháp (44.12% (45/102)); Cao Bằng (44.64% (25/56))
8	MTTQ xã có kế hoạch hoặc đề xuất trang bị, nâng cấp thiết bị và phần mềm để phục vụ công tác giám sát, phản biện, tổng hợp ý kiến nhân dân trên môi trường số	15	Lai Châu (21.05% (8/38)); Lạng Sơn (27.69% (18/65)); Tây Ninh (32.29% (31/96)); Khánh Hòa (32.31% (21/65)); TP. Hồ Chí Minh (34.52% (58/168)); Vĩnh Long (38.71% (48/124)); Đồng Nai (41.05% (39/95)); Đồng Tháp (41.18% (42/102)); Thái Nguyên (41.3% (38/92)); Quảng Ngãi (42.71% (41/96))
9	MTTQ xã có thiết lập cơ chế để phối hợp cùng UBND xã giải quyết các vướng mắc, khiếu nại của người dân liên quan đến thủ tục hành chính, dịch vụ công sau sáp nhập	12	Lai Châu (15.79% (6/38)); Lạng Sơn (29.23% (19/65)); TP. Cần Thơ (34.95% (36/103)); TP. Hồ Chí Minh (36.31% (61/168)); Quảng Ngãi (39.58% (38/96)); Khánh Hòa (40.0% (26/65)); Tây Ninh (41.67% (40/96)); An Giang (42.16% (43/102)); TP. Huế (42.5% (17/40)); Đồng Tháp (44.12% (45/102))
10	MTTQ xã có ký kết hoặc ban hành văn bản phối hợp với UBND xã và các tổ chức thành viên (như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân...) về việc triển khai các hoạt động chuyển đổi số ở cơ sở	12	Lai Châu (15.79% (6/38)); Khánh Hòa (27.69% (18/65)); Lạng Sơn (30.77% (20/65)); TP. Huế (37.5% (15/40)); Quảng Ngãi (39.58% (38/96)); TP. Hồ Chí Minh (39.88% (67/168)); Cao Bằng (41.07% (23/56)); Vĩnh Long (41.13% (51/124)); Điện Biên (42.22% (19/45)); TP. Cần Thơ (43.69% (45/103))
11	Các hệ thống khác	8	Lai Châu (26.32% (10/38)); TP. Hà Nội (38.1% (48/126)); TP. Hồ Chí Minh (38.1% (64/168)); Khánh Hòa (38.46% (25/65)); Lạng Sơn (44.62% (29/65)); Quảng Ngãi (47.92% (46/96)); TP. Cần Thơ (48.54% (50/103)); Đồng Tháp (49.02% (50/102))

STT	Tiêu chí	Số tỉnh/thành phố < 50%	Top 10 tỉnh/thành phố thấp nhất (<50%)
12	Tình hình triển khai các chức năng chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của cơ quan	5	Lai Châu (26.32% (10/38)); Đồng Tháp (28.43% (29/102)); Quảng Ngãi (34.38% (33/96)); Lạng Sơn (36.92% (24/65)); TP. Hồ Chí Minh (46.43% (78/168))
13	Thu thập ý kiến nhân dân: MTTQ xã có thu thập ý kiến phản ánh của nhân dân về chất lượng dịch vụ công trực tuyến, về thái độ phục vụ của cán bộ sau sáp nhập	4	Lai Châu (31.58% (12/38)); Lạng Sơn (35.38% (23/65)); Khánh Hòa (46.15% (30/65)); TP. Hồ Chí Minh (47.02% (79/168))
14	Tham gia Ban Chỉ đạo: Chủ tịch Ủy ban MTTQ xã (hoặc đại diện Mặt trận) có tham gia Ban Chỉ đạo/Tổ công tác chuyên đổi số của huyện hoặc của xã	4	Lai Châu (36.84% (14/38)); TP. Hồ Chí Minh (47.02% (79/168)); Khánh Hòa (49.23% (32/65)); Lạng Sơn (49.23% (32/65))
15	Đã triển khai việc chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tại địa phương	3	Lai Châu (34.21% (13/38)); Đồng Tháp (42.16% (43/102)); Lạng Sơn (49.23% (32/65))
16	Hệ thống giám sát, phản biện xã hội	3	Lai Châu (31.58% (12/38)); TP. Hồ Chí Minh (47.62% (80/168)); Lạng Sơn (49.23% (32/65))
17	Hệ thống tổng hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân	2	Lai Châu (36.84% (14/38)); Lạng Sơn (49.23% (32/65))
18	Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	1	Lai Châu (36.84% (14/38))
19	Hệ thống quản lý đoàn viên, hội viên các tổ chức thành viên	1	Lai Châu (34.21% (13/38))
20	Hệ thống quản lý phản ánh, kiến nghị trực tuyến	1	Lai Châu (34.21% (13/38))
21	Trang thông tin điện tử / cổng thông tin MTTQ xã	1	Lai Châu (34.21% (13/38))
22	MTTQ xã có thiết lập kênh thông tin (như hòm thư góp ý, đường dây nóng, nhóm Zalo) để tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của nhân dân về những vướng mắc trong thực hiện thủ tục hành chính và chuyển đổi số	1	Lai Châu (34.21% (13/38))
23	MTTQ xã đã thực hiện rà soát, đánh giá thực trạng hạ tầng công nghệ thông tin (máy tính, kết nối Internet...) phục vụ công tác Mặt trận tại xã	1	Lai Châu (36.84% (14/38))
24	MTTQ xã có huy động đoàn viên, hội viên của các tổ chức đoàn thể tham gia hỗ trợ người dân trực tiếp tại	1	Lai Châu (34.21% (13/38))

STT	Tiêu chí	Số tỉnh/thành phố < 50%	Top 10 tỉnh/thành phố thấp nhất (<50%)
	Trung tâm Phục vụ Hành chính công trong quá trình nộp hồ sơ trực tuyến		

Phụ lục 13
VƯỚNG MẮC KHÓ KHĂN CHÍNH Ở CẤP ĐẢNG ỦY

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
1	An Giang	Hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị chưa đáp ứng	25/102 (24,5%)
		Trình độ CNTT của cán bộ, công chức còn hạn chế	21/102 (20,6%)
		Thiếu hướng dẫn và hỗ trợ từ cấp trên	17/102 (16,7%)
2	Bắc Ninh	Thiếu nguồn nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin	38/99 (38,4%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ và xuống cấp	36/99 (36,4%)
		Nhận thức và kỹ năng số của cán bộ, đảng viên và người dân còn hạn chế	34/99 (34,3%)
3	Cà Mau	Thiếu nguồn nhân lực và cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin	15/64 (23,4%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin và trang thiết bị chưa đảm bảo	14/64 (21,9%)
		Khó khăn trong việc đào tạo và tập huấn cho cán bộ, đảng viên	11/64 (17,2%)
4	TP. Cần Thơ	Thiếu cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	34/103 (33,0%)
		Thiếu nhân lực công nghệ thông tin	30/103 (29,1%)
		Trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ còn hạn chế	27/103 (26,2%)
5	Cao Bằng	Thiếu nguồn lực và cơ sở hạ tầng	25/56 (44,6%)
		Nhận thức về chuyển đổi số chưa đầy đủ	20/56 (35,7%)
		Thiếu cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin	17/56 (30,4%)
6	TP. Đà Nẵng	Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ	30/94 (31,9%)
		Thiếu cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin	25/94 (26,6%)
		Nhận thức về chuyển đổi số còn hạn chế	22/94 (23,4%)
7	Đắk Lắk	Hạ tầng công nghệ thông tin còn yếu	34/102 (33,3%)
		Thiếu nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin	31/102 (30,4%)
		Kỹ năng công nghệ thông tin của cán bộ, công chức còn hạn chế	29/102 (28,4%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
8	Điện Biên	Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ	20/45 (44,4%)
		Thiếu nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin	15/45 (33,3%)
		Kỹ năng số của cán bộ, công chức còn hạn chế	12/45 (26,7%)
9	Đồng Nai	Thiếu trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật	36/95 (37,9%)
		Hạn chế về nhân lực và kỹ năng số	32/95 (33,7%)
		Nhận thức chưa đồng đều về chuyển đổi số	30/95 (31,6%)
10	Đồng Tháp	Thiếu cơ sở vật chất và trang thiết bị	30/102 (29,4%)
		Trình độ cán bộ và nhân lực yếu	25/102 (24,5%)
		Hệ thống điều hành tác nghiệp chưa đồng bộ	20/102 (19,6%)
11	Gia Lai	Thiếu cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin	40/135 (29,6%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin yếu kém, thiếu đồng bộ	38/135 (28,1%)
		Trình độ công nghệ thông tin của cán bộ, công chức còn hạn chế	36/135 (26,7%)
12	TP. Hà Nội	Cán bộ, đảng viên cao tuổi gặp khó khăn trong việc sử dụng công nghệ thông tin	45/126 (35,7%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin và trang thiết bị còn hạn chế	40/126 (31,7%)
		Thiếu nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin	30/126 (23,8%)
13	Hà Tĩnh	Hạn chế về hạ tầng và thiết bị công nghệ	17/69 (24,6%)
		Thiếu nhân lực chuyên môn về công nghệ thông tin	14/69 (20,3%)
		Nhận thức của cán bộ, đảng viên và người dân về chuyển đổi số còn hạn chế	12/69 (17,4%)
14	TP. Hải Phòng	Thiếu cơ sở vật chất và trang thiết bị	38/114 (33,3%)
		Thiếu nguồn nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin	36/114 (31,6%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ	30/114 (26,3%)
15	TP. Hồ Chí Minh	Thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị	49/168 (29,2%)
		Thiếu nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin	39/168 (23,2%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ	36/168 (21,4%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
16	TP. Huế	Thiếu nguồn lực tài chính	7/40 (17,5%)
		Trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ hạn chế	7/40 (17,5%)
		Khó khăn trong thay đổi thói quen của người dân	6/40 (15,0%)
17	Hưng Yên	Thiếu cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	40/104 (38,5%)
		Trình độ cán bộ, công chức về công nghệ thông tin còn hạn chế	36/104 (34,6%)
		Nhận thức về chuyển đổi số còn thấp	25/104 (24,0%)
18	Khánh Hòa	Thiếu nguồn nhân lực chất lượng và chuyên môn	15/65 (23,1%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin yếu kém	10/65 (15,4%)
		Nhận thức và kỹ năng sử dụng công nghệ của cán bộ và công dân thấp	9/65 (13,8%)
19	Lai Châu	Hạ tầng kỹ thuật và kết nối mạng yếu	15/38 (39,5%)
		Thiếu cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin	12/38 (31,6%)
		Nhận thức và kỹ năng số của cán bộ, công chức còn hạn chế	10/38 (26,3%)
20	Lâm Đồng	Thiếu cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin	30/124 (24,2%)
		Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu	29/124 (23,4%)
		Nhận thức về chuyển đổi số chưa đầy đủ	27/124 (21,8%)
21	Lạng Sơn	Thiếu cán bộ có trình độ chuyên môn về CNTT	15/65 (23,1%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu	14/65 (21,5%)
		Kỹ năng công nghệ thông tin của cán bộ còn hạn chế	12/65 (18,5%)
22	Lào Cai	Thiếu nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin	30/99 (30,3%)
		Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị chưa đáp ứng	29/99 (29,3%)
		Kinh phí đầu tư cho chuyển đổi số còn hạn chế	20/99 (20,2%)
23	Nghệ An	Thiếu cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin	30/130 (23,1%)
		Cơ sở vật chất và trang thiết bị chưa đáp ứng yêu cầu	28/130 (21,5%)
		Trình độ công nghệ thông tin của cán bộ, đảng viên còn hạn chế	27/130 (20,8%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
24	Ninh Bình	Thiếu nhân lực có chuyên môn về CNTT	36/129 (27,9%)
		Cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đáp ứng yêu cầu	34/129 (26,4%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ	30/129 (23,3%)
25	Phú Thọ	Thiếu cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin	37/148 (25,0%)
		Hạ tầng kỹ thuật và đường truyền internet chưa ổn định	36/148 (24,3%)
		Kinh phí dành cho hoạt động chuyển đổi số còn hạn hẹp	32/148 (21,6%)
26	Quảng Ngãi	Thiếu nhân lực chuyên môn về công nghệ thông tin	34/96 (35,4%)
		Hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị chưa đảm bảo	30/96 (31,2%)
		Kinh phí hạn chế cho chuyển đổi số	24/96 (25,0%)
27	Quảng Ninh	Thiếu nguồn nhân lực và năng lực số	20/54 (37,0%)
		Hệ thống trang thiết bị CNTT cũ và thiếu đồng bộ	15/54 (27,8%)
		Nhận thức và kỹ năng số của người dân còn hạn chế	12/54 (22,2%)
28	Quảng Trị	Thiếu hạ tầng và trang thiết bị công nghệ	42/78 (53,8%)
		Thiếu cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin	29/78 (37,2%)
		Nhận thức và kỹ năng số của cán bộ và người dân còn hạn chế	23/78 (29,5%)
29	Sơn La	Thiếu nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin	17/75 (22,7%)
		Cơ sở vật chất và trang thiết bị yếu kém	14/75 (18,7%)
		Trình độ dân trí và nhận thức về công nghệ thông tin thấp	12/75 (16,0%)
30	Tây Ninh	Thiếu cán bộ chuyên môn về CNTT và chuyển đổi số	22/96 (22,9%)
		Hệ thống công nghệ và phần mềm chưa đồng bộ	20/96 (20,8%)
		Nhận thức và kỹ năng công nghệ thông tin của cán bộ, công chức còn hạn chế	18/96 (18,8%)
31	Thái Nguyên	Thiếu nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin và chuyển đổi số	27/92 (29,3%)
		Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị chưa đồng bộ, thiếu đầu tư	25/92 (27,2%)
		Trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ còn hạn chế	22/92 (23,9%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
32	Thanh Hóa	Thiếu cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin	37/166 (22,3%)
		Cơ sở hạ tầng chưa đảm bảo	35/166 (21,1%)
		Trình độ công nghệ thông tin của cán bộ còn hạn chế	31/166 (18,7%)
33	Tuyên Quang	Thiếu cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin	30/124 (24,2%)
		Hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị chưa đáp ứng yêu cầu	29/124 (23,4%)
		Nhận thức và kỹ năng số của cán bộ, công chức còn hạn chế	27/124 (21,8%)
34	Vĩnh Long	Thiếu nguồn nhân lực và trang thiết bị	23/124 (18,5%)
		Cơ sở vật chất, trang thiết bị còn hạn chế	20/124 (16,1%)
		Trình độ chuyên môn của cán bộ còn hạn chế	16/124 (12,9%)

Phụ lục 14
KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT Ở CẤP ĐẢNG ỦY

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
1	An Giang	Đề nghị tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	23/102 (22,5%)
		Đề nghị nâng cấp trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin	21/102 (20,6%)
		Cần có hướng dẫn cụ thể về chuyển đổi số	17/102 (16,7%)
2	Bắc Ninh	Tập huấn, đào tạo kỹ năng số cho cán bộ	38/99 (38,4%)
		Hỗ trợ trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin	36/99 (36,4%)
		Cấp kinh phí cho công tác chuyển đổi số	25/99 (25,3%)
3	Cà Mau	Tổ chức tập huấn, đào tạo cho cán bộ	20/64 (31,2%)
		Đầu tư trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin	15/64 (23,4%)
		Cần hỗ trợ, hướng dẫn trong thực hiện nhiệm vụ	10/64 (15,6%)
4	TP. Cần Thơ	Tập huấn, đào tạo cán bộ, công chức	38/103 (36,9%)
		Cơ sở vật chất và trang thiết bị	34/103 (33,0%)
		Hỗ trợ nguồn lực tài chính cho chuyển đổi số	18/103 (17,5%)
5	Cao Bằng	Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số	30/56 (53,6%)
		Bố trí kinh phí và đầu tư trang thiết bị	20/56 (35,7%)
		Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	18/56 (32,1%)
6	TP. Đà Nẵng	Đào tạo và tập huấn cho cán bộ	38/94 (40,4%)
		Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	31/94 (33,0%)
		Liên thông và tích hợp dữ liệu	20/94 (21,3%)
7	Đắk Lắk	Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	45/102 (44,1%)
		Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin	36/102 (35,3%)
		Cần trang bị thiết bị cho cán bộ	30/102 (29,4%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
8	Điện Biên	Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ	15/45 (33,3%)
		Cần nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin	12/45 (26,7%)
		Hỗ trợ trang thiết bị và phần mềm cho chuyển đổi số	10/45 (22,2%)
9	Đồng Nai	Cần tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	22/95 (23,2%)
		Cần đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT	18/95 (18,9%)
		Cần có văn bản hướng dẫn cụ thể	10/95 (10,5%)
10	Đồng Tháp	Nâng cấp hạ tầng, trang thiết bị và đường truyền	27/102 (26,5%)
		Tổ chức tập huấn, đào tạo cho cán bộ	25/102 (24,5%)
		Cần hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	20/102 (19,6%)
11	Gia Lai	Tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số	38/135 (28,1%)
		Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin	36/135 (26,7%)
		Cần cải thiện hạ tầng công nghệ thông tin	30/135 (22,2%)
12	TP. Hà Nội	Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ	36/126 (28,6%)
		Đầu tư hạ tầng, trang thiết bị CNTT	30/126 (23,8%)
		Hoàn thiện phần mềm quản lý văn bản	25/126 (19,8%)
13	Hà Tĩnh	Hỗ trợ nguồn lực tài chính và đầu tư hạ tầng CNTT	14/69 (20,3%)
		Tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số	13/69 (18,8%)
		Cần trang bị thiết bị công nghệ thông tin đồng bộ	10/69 (14,5%)
14	TP. Hải Phòng	Tập huấn chuyển đổi số cho cán bộ, công chức	41/114 (36,0%)
		Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị	38/114 (33,3%)
		Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	29/114 (25,4%)
15	TP. Hồ Chí Minh	Cần trang bị thiết bị công nghệ thông tin và hạ tầng	42/168 (25,0%)
		Cần tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số	37/168 (22,0%)
		Thiếu nhân sự chuyên trách về công nghệ thông tin	21/168 (12,5%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
16	TP. Huế	Tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số	15/40 (37,5%)
		Hỗ trợ về tài chính và trang thiết bị	8/40 (20,0%)
		Đầu tư nâng cấp hạ tầng số	6/40 (15,0%)
17	Hưng Yên	Tập huấn cho cán bộ về chuyển đổi số	34/104 (32,7%)
		Trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin	30/104 (28,8%)
		Hỗ trợ kinh phí cho công tác chuyển đổi số	20/104 (19,2%)
18	Khánh Hòa	Tập huấn về chuyển đổi số	17/65 (26,2%)
		Cần bổ sung nhân sự CNTT	10/65 (15,4%)
		Cấp phát chứng thư số	5/65 (7,7%)
19	Lai Châu	Đầu tư cơ sở hạ tầng	15/38 (39,5%)
		Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực	10/38 (26,3%)
		Hỗ trợ trang thiết bị công nghệ thông tin	9/38 (23,7%)
20	Lâm Đồng	Đầu tư trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin	34/124 (27,4%)
		Tổ chức tập huấn và đào tạo cán bộ	31/124 (25,0%)
		Cải thiện hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp	25/124 (20,2%)
21	Lạng Sơn	Mở lớp tập huấn về chuyển đổi số	20/65 (30,8%)
		Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	15/65 (23,1%)
		Bổ sung biên chế và đào tạo cán bộ	10/65 (15,4%)
22	Lào Cai	Cần tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số	22/99 (22,2%)
		Đề nghị đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin	20/99 (20,2%)
		Cần nâng cấp hạ tầng mạng và internet	18/99 (18,2%)
23	Nghệ An	Tập huấn chuyển đổi số	36/130 (27,7%)
		Hỗ trợ trang thiết bị	20/130 (15,4%)
		Bổ sung cán bộ có chuyên môn	15/130 (11,5%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
24	Ninh Bình	Tập huấn về chuyển đổi số	34/129 (26,4%)
		Cơ sở vật chất và hạ tầng	29/129 (22,5%)
		Hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	24/129 (18,6%)
25	Phú Thọ	Tập huấn chuyển đổi số cho cán bộ, công chức	40/148 (27,0%)
		Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin	35/148 (23,6%)
		Cung cấp tài liệu và hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	30/148 (20,3%)
26	Quảng Ngãi	Hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	20/96 (20,8%)
		Tổ chức lớp tập huấn về chuyển đổi số	18/96 (18,8%)
		Đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	16/96 (16,7%)
27	Quảng Ninh	Tổ chức các lớp tập huấn về chuyển đổi số	15/54 (27,8%)
		Đầu tư hạ tầng và trang thiết bị công nghệ thông tin	10/54 (18,5%)
		Bổ sung cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số	8/54 (14,8%)
28	Quảng Trị	Tập huấn, đào tạo cán bộ về chuyển đổi số	45/78 (57,7%)
		Hỗ trợ trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin	32/78 (41,0%)
		Cần bố trí kinh phí cho chuyển đổi số	25/78 (32,1%)
29	Sơn La	Tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ	30/75 (40,0%)
		Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị	22/75 (29,3%)
		Bổ sung biên chế cho công tác chuyển đổi số	15/75 (20,0%)
30	Tây Ninh	Tập huấn, đào tạo kỹ năng số cho cán bộ	20/96 (20,8%)
		Đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	17/96 (17,7%)
		Hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	15/96 (15,6%)
31	Thái Nguyên	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về chuyển đổi số	36/92 (39,1%)
		Đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	30/92 (32,6%)
		Cải tiến và hoàn thiện phần mềm	15/92 (16,3%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
32	Thanh Hóa	Tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ	46/166 (27,7%)
		Hỗ trợ trang thiết bị cho chuyển đổi số	33/166 (19,9%)
		Cần bổ sung cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin	25/166 (15,1%)
33	Tuyên Quang	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ, công chức	38/124 (30,6%)
		Đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin	33/124 (26,6%)
		Cung cấp trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số	30/124 (24,2%)
34	Vĩnh Long	Đầu tư trang thiết bị và cơ sở vật chất cho chuyển đổi số	25/124 (20,2%)
		Tổ chức tập huấn và bồi dưỡng kỹ năng cho cán bộ	21/124 (16,9%)
		Cần có hướng dẫn và chỉ đạo cụ thể về chuyển đổi số	18/124 (14,5%)

Phụ lục 15
VƯỚNG MẮC KHÓ KHĂN CHÍNH Ở CẤP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
1	An Giang	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	10/102 (9,8%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực chuyển đổi số	8/102 (7,8%)
		Trang thiết bị xuống cấp	7/102 (6,9%)
2	Bắc Ninh	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	12/99 (12,1%)
		Thiếu cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực chuyển đổi số	10/99 (10,1%)
		Trình độ công nghệ thông tin của đại biểu còn hạn chế	9/99 (9,1%)
3	Cà Mau	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	6/64 (9,4%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực này	6/64 (9,4%)
		Hạn chế chuyên môn	5/64 (7,8%)
4	TP. Cần Thơ	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	6/103 (5,8%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực này	6/103 (5,8%)
		Do phường mới sáp nhập	5/103 (4,9%)
5	Cao Bằng	Thiếu chuyên môn và kiến thức về giám sát	15/56 (26,8%)
		Chưa tổ chức giám sát	8/56 (14,3%)
		Khó khăn trong công tác chuyển đổi số	7/56 (12,5%)
6	TP. Đà Nẵng	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	14/94 (14,9%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp	9/94 (9,6%)
		HĐND lâm thời mới được thành lập, thiếu kinh nghiệm	6/94 (6,4%)
7	Đắk Lắk	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	20/102 (19,6%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực này	16/102 (15,7%)
		Năng lực chuyên môn và kỹ thuật số hạn chế	14/102 (13,7%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
8	Điện Biên	Thiếu cơ chế giám sát phù hợp	7/45 (15,6%)
		Khó khăn trong công tác giám sát và chuyển đổi số	6/45 (13,3%)
		Thiếu thông tin chuyên môn và kinh phí	6/45 (13,3%)
9	Đồng Nai	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	14/95 (14,7%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực này	12/95 (12,6%)
		Thiếu nhân lực	9/95 (9,5%)
10	Đồng Tháp	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	6/102 (5,9%)
		Chưa được tập huấn về công tác giám sát chuyển đổi số	6/102 (5,9%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực chuyển đổi số	5/102 (4,9%)
11	Gia Lai	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	18/135 (13,3%)
		Thiếu nhân lực về công nghệ thông tin	12/135 (8,9%)
		Kỹ năng, kinh nghiệm về công nghệ thông tin của đại biểu HĐND còn hạn chế	10/135 (7,4%)
12	TP. Hà Nội	Chưa có cơ chế giám sát phù hợp	10/126 (7,9%)
		Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	9/126 (7,1%)
		Chưa triển khai giám sát	8/126 (6,3%)
13	Hà Tĩnh	Thiếu nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất	12/69 (17,4%)
		Năng lực cán bộ và kỹ năng giám sát hạn chế	10/69 (14,5%)
		Hệ thống công nghệ thông tin chưa đồng bộ	9/69 (13,0%)
14	TP. Hải Phòng	Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực này	15/114 (13,2%)
		Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	12/114 (10,5%)
		Trình độ về công nghệ thông tin còn hạn chế	10/114 (8,8%)
15	TP. Hồ Chí Minh	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	15/168 (8,9%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp	12/168 (7,1%)
		Chưa thực hiện giám sát	11/168 (6,5%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
16	TP. Huế	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	4/40 (10,0%)
		Chưa có hướng dẫn cụ thể	4/40 (10,0%)
		Nhận thức của đại biểu HĐND chưa đồng đều, thiếu chuyên môn công nghệ	3/40 (7,5%)
17	Hưng Yên	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	9/104 (8,7%)
		Hạn chế về năng lực cán bộ và nguồn lực	8/104 (7,7%)
		Cơ sở vật chất và trang thiết bị chưa đầy đủ	7/104 (6,7%)
18	Khánh Hòa	Thiếu cơ chế giám sát phù hợp	5/65 (7,7%)
		Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	4/65 (6,2%)
		Khó khăn trong việc tiếp cận văn bản và hướng dẫn	4/65 (6,2%)
19	Lai Châu	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	6/38 (15,8%)
		Thiếu cơ sở vật chất và trang thiết bị cho chuyển đổi số	5/38 (13,2%)
		Chưa có kế hoạch giám sát chuyển đổi số	3/38 (7,9%)
20	Lâm Đồng	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	12/124 (9,7%)
		Thiếu nguồn nhân lực chuyên môn công nghệ thông tin	10/124 (8,1%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực này	9/124 (7,3%)
21	Lạng Sơn	Thiếu thông tin chuyên môn và cơ chế giám sát	8/65 (12,3%)
		Thiếu kiến thức và kỹ năng về chuyển đổi số	7/65 (10,8%)
		Hạ tầng kỹ thuật số yếu kém	5/65 (7,7%)
22	Lào Cai	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	12/99 (12,1%)
		Cán bộ chưa có chuyên môn sâu về công tác chuyển đổi số	10/99 (10,1%)
		Nguồn lực tài chính hạn chế	9/99 (9,1%)
23	Nghệ An	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	21/130 (16,2%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp	12/130 (9,2%)
		Khó khăn về nguồn lực và kinh phí	10/130 (7,7%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
24	Ninh Bình	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát, chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực này	9/129 (7,0%)
		Chưa có kế hoạch giám sát về chuyển đổi số	7/129 (5,4%)
		Chưa thực hiện giám sát	6/129 (4,7%)
25	Phú Thọ	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát, chưa có cơ chế giám sát phù hợp	20/148 (13,5%)
		Đại biểu HĐND hoạt động kiêm nhiệm, thiếu kiến thức chuyên môn	17/148 (11,5%)
		Chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về công tác giám sát	15/148 (10,1%)
26	Quảng Ngãi	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	7/96 (7,3%)
		Khó khăn về nguồn lực và năng lực triển khai	6/96 (6,2%)
		Cán bộ công chức còn thiếu kinh nghiệm để giám sát	5/96 (5,2%)
27	Quảng Ninh	Thiếu kiến thức và kỹ năng về công nghệ thông tin	15/54 (27,8%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ	10/54 (18,5%)
		Thiếu nguồn nhân lực chuyên môn về chuyển đổi số	9/54 (16,7%)
28	Quảng Trị	Thiếu hạ tầng kỹ thuật số và kết nối	15/78 (19,2%)
		Chưa thực hiện giám sát chuyển đổi số	12/78 (15,4%)
		Thiếu kinh phí và nhân lực chuyên môn	10/78 (12,8%)
29	Sơn La	Thiếu cơ chế giám sát phù hợp	10/74 (13,5%)
		Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	8/74 (10,8%)
		Kỹ năng giám sát còn hạn chế	7/74 (9,5%)
30	Tây Ninh	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	12/96 (12,5%)
		Chưa tổ chức giám sát	8/96 (8,3%)
		Do mới sáp nhập	8/96 (8,3%)
31	Thái Nguyên	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	12/92 (13,0%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực này	10/92 (10,9%)
		Thiếu kinh phí cho hoạt động giám sát	6/92 (6,5%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
32	Thanh Hóa	Thiếu thông tin chuyên môn để giám sát	20/166 (12,0%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp về lĩnh vực này	15/166 (9,0%)
		Chuyên môn về lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn hạn chế	14/166 (8,4%)
33	Tuyên Quang	Thiếu thông tin chuyên môn và kỹ năng giám sát	30/124 (24,2%)
		Hạn chế về năng lực và chuyên môn của đại biểu HĐND	28/124 (22,6%)
		Chưa có cơ chế giám sát phù hợp	25/124 (20,2%)
34	Vĩnh Long	Thiếu chuyên môn và kinh nghiệm trong giám sát chuyển đổi số	29/124 (23,4%)
		Đại biểu HĐND kiêm nhiệm, ít thời gian cho giám sát	21/124 (16,9%)
		Thiếu cơ chế giám sát phù hợp và thông tin chia sẻ	15/124 (12,1%)

Phụ lục 16
KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT Ở CẤP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
1	An Giang	Tập huấn về chuyển đổi số	20/102 (19,6%)
		Bố trí kinh phí cho chuyển đổi số	12/102 (11,8%)
		Cấp mới trang thiết bị	8/102 (7,8%)
2	Bắc Ninh	Tập huấn về chuyển đổi số	29/99 (29,3%)
		Đề nghị hướng dẫn cụ thể về chuyển đổi số	18/99 (18,2%)
		Cần bố trí kinh phí cho chuyển đổi số	14/99 (14,1%)
3	Cà Mau	Chuyển đổi số	22/64 (34,4%)
		Tập huấn, đào tạo	12/64 (18,8%)
		Kinh phí hỗ trợ	11/64 (17,2%)
4	TP. Cần Thơ	Tập huấn về chuyển đổi số	17/103 (16,5%)
		Hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	10/103 (9,7%)
		Hướng dẫn cụ thể về chuyển đổi số	9/103 (8,7%)
5	Cao Bằng	Tập huấn về chuyển đổi số	16/56 (28,6%)
		Cần có văn bản hướng dẫn cụ thể	10/56 (17,9%)
		Đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin	6/56 (10,7%)
6	TP. Đà Nẵng	Tập huấn về chuyển đổi số	34/94 (36,2%)
		Hoàn thiện hệ thống quản lý văn bản	15/94 (16,0%)
		Cấp kinh phí cho chuyển đổi số	12/94 (12,8%)
7	Đắk Lắk	Tập huấn về chuyển đổi số	38/102 (37,3%)
		Bổ sung kinh phí cho chuyển đổi số	20/102 (19,6%)
		Đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ	15/102 (14,7%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
8	Điện Biên	Bổ trí kinh phí cho chuyển đổi số	15/45 (33,3%)
		Mở lớp tập huấn về chuyển đổi số	10/45 (22,2%)
		Bổ sung cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin	6/45 (13,3%)
9	Đồng Nai	Tập huấn về chuyển đổi số	28/95 (29,5%)
		Bổ sung kinh phí cho hoạt động chuyển đổi số	12/95 (12,6%)
		Phần mềm quản lý đại biểu HĐND	6/95 (6,3%)
10	Đồng Tháp	Tập huấn về chuyển đổi số	18/102 (17,6%)
		Tập huấn cho các Ban HĐND	10/102 (9,8%)
		Cần đồng bộ hệ thống dữ liệu	1/102 (1,0%)
11	Gia Lai	Tổ chức các lớp tập huấn về công tác chuyển đổi số	34/135 (25,2%)
		Cấp trên bố trí nguồn ngân sách hoặc hỗ trợ kinh phí nâng cấp hạ tầng CNTT	17/135 (12,6%)
		Tăng cường đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin	12/135 (8,9%)
12	TP. Hà Nội	Tập huấn về chuyển đổi số	22/126 (17,5%)
		Cần hướng dẫn cụ thể	12/126 (9,5%)
		Đầu tư cơ sở vật chất cho chuyển đổi số	10/126 (7,9%)
13	Hà Tĩnh	Tập huấn kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ, công chức và đại biểu HĐND	20/69 (29,0%)
		Cần bố trí ngân sách cho hoạt động chuyển đổi số	10/69 (14,5%)
		Đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị cho chuyển đổi số	9/69 (13,0%)
14	TP. Hải Phòng	Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng công nghệ số cho cán bộ, công chức	36/114 (31,6%)
		Cần bố trí ngân sách và đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin	25/114 (21,9%)
		Cần hoàn thiện thể chế, chính sách về chuyển đổi số	22/114 (19,3%)
15	TP. Hồ Chí Minh	Không có hoặc chưa có đề xuất	36/168 (21,4%)
		Đề nghị tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	16/168 (9,5%)
		Kiến nghị về hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	10/168 (6,0%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
16	TP. Huế	Cần có hướng dẫn và văn bản cụ thể về chuyển đổi số	8/40 (20,0%)
		Đề nghị tăng cường đào tạo kỹ năng số	6/40 (15,0%)
		Cấp kinh phí hỗ trợ chuyển đổi số	5/40 (12,5%)
17	Hưng Yên	Tập huấn về chuyển đổi số	36/104 (34,6%)
		Cần hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	17/104 (16,3%)
		Cần trang bị thiết bị, cơ sở vật chất	15/104 (14,4%)
18	Khánh Hòa	Tổ chức tập huấn cho cán bộ	9/65 (13,8%)
		Hoàn thiện quy chế hoạt động của HĐND	4/65 (6,2%)
		Hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	4/65 (6,2%)
19	Lai Châu	Bổ sung nguồn kinh phí cho chuyển đổi số	7/38 (18,4%)
		Tăng cường đào tạo, tập huấn cho cán bộ	6/38 (15,8%)
		Nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin	5/38 (13,2%)
20	Lâm Đồng	Tập huấn về chuyển đổi số	36/124 (29,0%)
		Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin	20/124 (16,1%)
		Bố trí kinh phí cho chuyển đổi số	15/124 (12,1%)
21	Lạng Sơn	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức về chuyển đổi số	9/65 (13,8%)
		Hướng dẫn, hỗ trợ từ cấp trên cho HĐND cấp xã	7/65 (10,8%)
		Cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi số	5/65 (7,7%)
22	Lào Cai	Tập huấn về chuyển đổi số	25/99 (25,3%)
		Cấp kinh phí cho hoạt động HĐND	18/99 (18,2%)
		Nâng cao năng lực cán bộ	15/99 (15,2%)
23	Nghệ An	Tập huấn về chuyển đổi số	63/130 (48,5%)
		Hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	29/130 (22,3%)
		Báo cáo theo tháng thay vì hàng ngày	5/130 (3,8%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
24	Ninh Bình	Đề nghị tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	23/129 (17,8%)
		Đề nghị hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	14/129 (10,9%)
		Chưa có đề xuất, kiến nghị	10/129 (7,8%)
25	Phú Thọ	Tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số	43/148 (29,1%)
		Hỗ trợ kinh phí, trang thiết bị cho chuyển đổi số	36/148 (24,3%)
		Hướng dẫn, văn bản cụ thể về giám sát chuyển đổi số	31/148 (20,9%)
26	Quảng Ngãi	Bố trí kinh phí cho chuyển đổi số	14/96 (14,6%)
		Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	12/96 (12,5%)
		Thiếu trang thiết bị hạ tầng CNTT	10/96 (10,4%)
27	Quảng Ninh	Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	12/54 (22,2%)
		Nâng cao năng lực cán bộ	10/54 (18,5%)
		Bổ sung kinh phí cho chuyển đổi số	6/54 (11,1%)
28	Quảng Trị	Bố trí kinh phí cho công tác chuyển đổi số	20/78 (25,6%)
		Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	18/78 (23,1%)
		Bổ sung cán bộ có chuyên môn CNTT	10/78 (12,8%)
29	Sơn La	Tập huấn về chuyển đổi số	14/74 (18,9%)
		Đề nghị hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	7/74 (9,5%)
		Cần hướng dẫn cụ thể về chuyển đổi số	6/74 (8,1%)
30	Tây Ninh	Tập huấn chuyển đổi số cho HDND cấp xã	8/96 (8,3%)
		Bố trí kinh phí cho hoạt động chuyển đổi số	5/96 (5,2%)
		Nâng cao chất lượng đường truyền và thiết bị	4/96 (4,2%)
31	Thái Nguyên	Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	17/92 (18,5%)
		Cấp kinh phí cho hoạt động chuyển đổi số	7/92 (7,6%)
		Hướng dẫn về giám sát chuyển đổi số	6/92 (6,5%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
32	Thanh Hóa	Tập huấn về chuyển đổi số	45/166 (27,1%)
		Hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	35/166 (21,1%)
		Quy chế mẫu cho hoạt động của HĐND	30/166 (18,1%)
33	Tuyên Quang	Tập huấn kỹ năng giám sát và chuyển đổi số	36/124 (29,0%)
		Cấp kinh phí cho chuyển đổi số	15/124 (12,1%)
		Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị	14/124 (11,3%)
34	Vĩnh Long	Đề xuất mở các lớp tập huấn về chuyển đổi số	14/124 (11,3%)
		Cần bố trí kinh phí cho chuyển đổi số	10/124 (8,1%)
		Hỗ trợ trang thiết bị cho chuyển đổi số	8/124 (6,5%)

Phụ lục 17
VƯỚNG MẮC KHÓ KHĂN CHÍNH Ở CẤP ỦY BAN NHÂN DÂN

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
1	An Giang	Thiếu kinh phí cho chuyển đổi số	8/102 (7,8%)
		Hệ thống phần mềm gặp lỗi và chậm	8/102 (7,8%)
		Thiếu nhân lực và trang thiết bị	7/102 (6,9%)
2	Bắc Ninh	Hệ thống đường truyền mạng không ổn định	15/99 (15,2%)
		Thiếu nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin	12/99 (12,1%)
		Phần mềm chưa đồng bộ giữa các hệ thống	10/99 (10,1%)
3	Cà Mau	Thiếu hạ tầng công nghệ thông tin	21/64 (32,8%)
		Thiếu nguồn nhân lực chuyên trách	14/64 (21,9%)
		Khó khăn về tài chính	10/64 (15,6%)
4	TP. Cần Thơ	Hệ thống phần mềm không ổn định và thường xuyên lỗi	12/103 (11,7%)
		Thiếu trang thiết bị và cơ sở vật chất	10/103 (9,7%)
		Đường truyền internet không ổn định	9/103 (8,7%)
5	Cao Bằng	Thiếu chuyên môn về công nghệ thông tin	15/56 (26,8%)
		Thiếu kinh phí và cơ sở vật chất	12/56 (21,4%)
		Nhận thức của người dân về chuyển đổi số còn hạn chế	10/56 (17,9%)
6	TP. Đà Nẵng	Hệ thống phần mềm thường xuyên gặp lỗi	23/94 (24,5%)
		Thiếu nhân lực chuyên môn về CNTT	18/94 (19,1%)
		Hệ thống đường truyền mạng yếu, chậm	15/94 (16,0%)
7	Đắk Lắk	Thiếu nhân lực có trình độ chuyên môn về CNTT và chuyển đổi số	30/102 (29,4%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ và thiết bị cũ	25/102 (24,5%)
		Kỹ năng số của người dân còn hạn chế	20/102 (19,6%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
8	Điện Biên	Thiếu cán bộ công nghệ thông tin	15/45 (33,3%)
		Hạ tầng công nghệ yếu kém	14/45 (31,1%)
		Thiếu trang thiết bị phục vụ công việc	12/45 (26,7%)
9	Đồng Nai	Hệ thống mạng không ổn định	12/95 (12,6%)
		Thiếu trang thiết bị, phần mềm lỗi	10/95 (10,5%)
		Quy trình chưa đồng bộ, thiếu hướng dẫn	9/95 (9,5%)
10	Đồng Tháp	Hệ thống phần mềm chưa được đồng bộ, chưa có thống nhất chung.	10/102 (9,8%)
		Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thường xuyên bị lỗi.	9/102 (8,8%)
		Thiếu cán bộ chuyên môn phụ trách lĩnh vực công nghệ thông tin.	8/102 (7,8%)
11	Gia Lai	Thiếu nhân lực chuyên môn CNTT	40/135 (29,6%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ	35/135 (25,9%)
		Ngân sách hạn chế cho chuyển đổi số	30/135 (22,2%)
12	TP. Hà Nội	Phần mềm thường xuyên lỗi	20/126 (15,9%)
		Thiếu nguồn nhân lực có chuyên môn về CNTT, chuyển đổi số	17/126 (13,5%)
		Hệ thống thông tin giải quyết TTHC chưa ổn định	15/126 (11,9%)
13	Hà Tĩnh	Thiếu nhân lực và chuyên môn về CNTT	20/69 (29,0%)
		Hệ thống phần mềm và cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ	15/69 (21,7%)
		Kinh phí hạn chế cho chuyển đổi số	10/69 (14,5%)
14	TP. Hải Phòng	Cơ sở vật chất và trang thiết bị kém	38/114 (33,3%)
		Thiếu nhân lực chuyên môn	27/114 (23,7%)
		Kinh phí hạn chế cho chuyển đổi số	20/114 (17,5%)
15	TP. Hồ Chí Minh	Thiếu nhân lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số	20/168 (11,9%)
		Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính không ổn định	18/168 (10,7%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin cũ, xuống cấp	17/168 (10,1%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
16	TP. Huế	Hạn chế về năng lực công nghệ thông tin của cán bộ, công chức	6/40 (15,0%)
		Thiếu kinh phí cho chuyển đổi số	5/40 (12,5%)
		Nguồn nhân lực và trang thiết bị chưa đáp ứng	4/40 (10,0%)
17	Hưng Yên	Hệ thống dịch vụ công quốc gia và tài khoản định danh điện tử VNEID chậm	10/104 (9,6%)
		Thiếu trang thiết bị và cơ sở vật chất	9/104 (8,7%)
		Khó khăn trong việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến do người dân chưa quen	8/104 (7,7%)
18	Khánh Hòa	Thiếu đồng bộ giữa các phần mềm	10/65 (15,4%)
		Hạn chế về công nghệ và thiết bị của người dân	8/65 (12,3%)
		Cán bộ phụ trách CNTT chưa đủ chuyên môn	7/65 (10,8%)
19	Lai Châu	Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu	10/38 (26,3%)
		Thiếu nguồn nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin	8/38 (21,1%)
		Kinh phí triển khai còn hạn chế	6/38 (15,8%)
20	Lâm Đồng	Thiếu nguồn nhân lực CNTT	15/124 (12,1%)
		Cơ sở vật chất và trang thiết bị chưa đáp ứng yêu cầu	14/124 (11,3%)
		Hệ thống phần mềm thường xuyên bị lỗi	13/124 (10,5%)
21	Lạng Sơn	Thiếu công chức chuyên môn về công nghệ thông tin	14/65 (21,5%)
		Hệ thống DVC quốc gia hoạt động chưa ổn định	6/65 (9,2%)
		Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cũ và thiếu kinh phí	6/65 (9,2%)
22	Lào Cai	Thiếu cán bộ có chuyên môn về công nghệ thông tin	25/99 (25,3%)
		Hạ tầng và thiết bị công nghệ thông tin yếu kém	22/99 (22,2%)
		Trình độ dân trí của người dân còn thấp	20/99 (20,2%)
23	Nghệ An	Kinh phí hạn chế	25/130 (19,2%)
		Thiếu nhân lực/chuyên môn	22/130 (16,9%)
		Cơ sở vật chất chưa đầy đủ	17/130 (13,1%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
24	Ninh Bình	Thiếu nhân lực có chuyên môn về CNTT	20/129 (15,5%)
		Hệ thống phần mềm thường xuyên xảy ra lỗi	17/129 (13,2%)
		Hạ tầng kỹ thuật và số hóa còn hạn chế	15/129 (11,6%)
25	Phú Thọ	Thiếu cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin	31/148 (20,9%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ	28/148 (18,9%)
		Khó khăn trong việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến	26/148 (17,6%)
26	Quảng Ngãi	Thiếu nguồn nhân lực và chuyên môn	30/96 (31,2%)
		Hạ tầng và trang thiết bị yếu kém	28/96 (29,2%)
		Khó khăn về kinh phí	25/96 (26,0%)
27	Quảng Ninh	Thiếu nguồn nhân lực và đào tạo chuyên môn	20/54 (37,0%)
		Hạ tầng công nghệ và thiết bị cũ	15/54 (27,8%)
		Nhận thức và kỹ năng công nghệ thông tin của người dân thấp	10/54 (18,5%)
28	Quảng Trị	Thiếu cơ sở vật chất và trang thiết bị	20/78 (25,6%)
		Hệ thống thông tin chậm và lỗi	16/78 (20,5%)
		Thiếu nhân lực và cán bộ chuyên trách	15/78 (19,2%)
29	Sơn La	Thiếu nhân lực chất lượng cao về công nghệ thông tin, chuyển đổi số	14/75 (18,7%)
		Hệ thống cơ sở vật chất chưa đáp ứng được tiêu chí của chuyển đổi số	10/75 (13,3%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ	9/75 (12,0%)
30	Tây Ninh	Khó khăn trong việc nộp hồ sơ trực tuyến	15/96 (15,6%)
		Thiếu nhân lực và chuyên môn về CNTT	12/96 (12,5%)
		Hạ tầng và trang thiết bị chưa đáp ứng yêu cầu	11/96 (11,5%)
31	Thái Nguyên	Thiếu cán bộ chuyên trách CNTT và chuyển đổi số	18/92 (19,6%)
		Hệ thống thông tin giải quyết TTHC không ổn định và chưa liên thông	16/92 (17,4%)
		Cơ sở hạ tầng CNTT còn hạn chế	15/92 (16,3%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
32	Thanh Hóa	Thiếu nhân lực có chuyên môn về CNTT và chuyển đổi số	47/166 (28,3%)
		Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ và lạc hậu	45/166 (27,1%)
		Kinh phí hỗ trợ cho chuyển đổi số còn hạn chế	37/166 (22,3%)
33	Tuyên Quang	Thiếu trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin	38/124 (30,6%)
		Thiếu nhân lực chuyên môn về công nghệ thông tin	30/124 (24,2%)
		Trình độ dân trí và tiếp cận công nghệ thông tin của người dân còn hạn chế	27/124 (21,8%)
34	Vĩnh Long	Thiếu nhân lực chuyên môn về công nghệ thông tin	20/124 (16,1%)
		Kinh phí chuyển đổi số còn hạn chế	15/124 (12,1%)
		Hệ thống phần mềm thường xuyên bị lỗi	14/124 (11,3%)

Phụ lục 18
KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT Ở CẤP ỦY BAN NHÂN DÂN

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
1	An Giang	Cần cấp kinh phí cho chuyển đổi số	10/102 (9,8%)
		Cần nâng cấp trang thiết bị CNTT	9/102 (8,8%)
		Tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	8/102 (7,8%)
2	Bắc Ninh	Tăng cường tập huấn cho cán bộ	22/99 (22,2%)
		Hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	17/99 (17,2%)
		Cần nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	15/99 (15,2%)
3	Cà Mau	Bổ sung kinh phí nâng cấp hạ tầng	10/64 (15,6%)
		Hỗ trợ trang thiết bị cho chuyển đổi số	9/64 (14,1%)
		Tổ chức lớp tập huấn cho cán bộ	8/64 (12,5%)
4	TP. Cần Thơ	Thiếu trang thiết bị và cơ sở hạ tầng	25/103 (24,3%)
		Cần tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức	20/103 (19,4%)
		Đề nghị tăng cường nhân lực có chuyên môn về CNTT	15/103 (14,6%)
5	Cao Bằng	Thiếu chuyên môn về công nghệ thông tin	10/56 (17,9%)
		Cần mở lớp tập huấn cho cán bộ, công chức	9/56 (16,1%)
		Cần tăng cường kinh phí và cơ sở hạ tầng	8/56 (14,3%)
6	TP. Đà Nẵng	Cần hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	22/94 (23,4%)
		Cần tổ chức tập huấn cho cán bộ công chức	18/94 (19,1%)
		Cần nâng cấp hệ thống CNTT và phần mềm	17/94 (18,1%)
7	Đắk Lắk	Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ, công chức	34/102 (33,3%)
		Bố trí kinh phí cho chuyển đổi số	22/102 (21,6%)
		Cần nâng cấp trang thiết bị và hạ tầng	20/102 (19,6%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
8	Điện Biên	Hỗ trợ kinh phí và trang thiết bị CNTT	15/45 (33,3%)
		Tổ chức tập huấn về công nghệ thông tin và an toàn thông tin	12/45 (26,7%)
		Bổ sung biên chế có chuyên môn về công nghệ thông tin	10/45 (22,2%)
9	Đồng Nai	Thiếu trang thiết bị công nghệ thông tin	25/95 (26,3%)
		Cần nâng cấp hệ thống và phần mềm	15/95 (15,8%)
		Cần tổ chức tập huấn cho cán bộ	14/95 (14,7%)
10	Đồng Tháp	Đề nghị hỗ trợ tập huấn cho cán bộ công chức	12/102 (11,8%)
		Cấp kinh phí trang bị thiết bị hiện đại	8/102 (7,8%)
		Nâng cấp hệ thống phần mềm và hạ tầng	7/102 (6,9%)
11	Gia Lai	Thiếu nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin	21/135 (15,6%)
		Cần nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	20/135 (14,8%)
		Cần tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức	19/135 (14,1%)
12	TP. Hà Nội	Khắc phục lỗi phần mềm	22/126 (17,5%)
		Tổ chức tập huấn	18/126 (14,3%)
		Nâng cấp trang thiết bị	16/126 (12,7%)
13	Hà Tĩnh	Đề nghị tổ chức tập huấn, đào tạo cho cán bộ về CNTT và chuyển đổi số	20/69 (29,0%)
		Hỗ trợ kinh phí và trang thiết bị cho công tác CNTT	15/69 (21,7%)
		Cần bổ sung nhân lực có chuyên môn về CNTT	12/69 (17,4%)
14	TP. Hải Phòng	Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị	34/114 (29,8%)
		Tổ chức tập huấn và nâng cao năng lực cho cán bộ	30/114 (26,3%)
		Cấp kinh phí cho chuyển đổi số và trang thiết bị	24/114 (21,1%)
15	TP. Hồ Chí Minh	Cần bố trí kinh phí nâng cấp hạ tầng CNTT	30/168 (17,9%)
		Cần trang bị thiết bị và công nghệ thông tin	28/168 (16,7%)
		Cần tổ chức tập huấn cho cán bộ công chức	25/168 (14,9%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
16	TP. Huế	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức	8/40 (20,0%)
		Bố trí kinh phí cho hoạt động chuyển đổi số	6/40 (15,0%)
		Hỗ trợ đồng bộ dữ liệu và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật	4/40 (10,0%)
17	Hưng Yên	Nâng cấp hạ tầng CNTT và trang thiết bị	27/104 (26,0%)
		Tập huấn và đào tạo cán bộ	24/104 (23,1%)
		Đơn giản hóa thủ tục hành chính	9/104 (8,7%)
18	Khánh Hòa	Đề nghị nâng cấp hệ thống CNTT và phần mềm	9/65 (13,8%)
		Cần tăng cường công chức có chuyên môn về CNTT	7/65 (10,8%)
		Đề nghị đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng cho cán bộ	6/65 (9,2%)
19	Lai Châu	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	12/38 (31,6%)
		Đào tạo nguồn nhân lực về chuyển đổi số	8/38 (21,1%)
		Bố trí kinh phí cho chuyển đổi số	6/38 (15,8%)
20	Lâm Đồng	Đề nghị tổ chức tập huấn và hướng dẫn nghiệp vụ về công tác chuyển đổi số	15/124 (12,1%)
		Bố trí kinh phí đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	14/124 (11,3%)
		Giải quyết thủ tục về đất đai còn khó khăn, vướng mắc	10/124 (8,1%)
21	Lạng Sơn	Đề nghị tổ chức tập huấn cho cán bộ về chuyển đổi số	10/65 (15,4%)
		Bổ sung cán bộ công nghệ thông tin	8/65 (12,3%)
		Đề nghị kiểm tra và nâng cấp đường truyền	6/65 (9,2%)
22	Lào Cai	Đề nghị tổ chức tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức	25/99 (25,3%)
		Đề nghị đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, hạ tầng CNTT	22/99 (22,2%)
		Cần đồng bộ hệ thống dữ liệu và quy trình TTHC	15/99 (15,2%)
23	Nghệ An	Hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	34/130 (26,2%)
		Tổ chức tập huấn cho cán bộ	32/130 (24,6%)
		Bố trí cán bộ chuyên trách về CNTT	20/130 (15,4%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
24	Ninh Bình	Tăng cường tập huấn cho cán bộ công chức	20/129 (15,5%)
		Đề nghị nâng cấp hệ thống phần mềm và hạ tầng công nghệ thông tin	18/129 (14,0%)
		Bổ sung nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin	15/129 (11,6%)
25	Phú Thọ	Đề nghị tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức cấp xã	22/148 (14,9%)
		Đề nghị cấp trên hỗ trợ kinh phí để thực hiện chuyển đổi số có hiệu quả	15/148 (10,1%)
		Đề nghị nâng cấp hệ thống phần mềm và hạ tầng công nghệ thông tin	14/148 (9,5%)
26	Quảng Ngãi	Bố trí kinh phí nâng cấp hạ tầng CNTT và trang thiết bị	30/96 (31,2%)
		Bổ sung nhân lực có chuyên môn về CNTT và chuyển đổi số	25/96 (26,0%)
		Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ, công chức	20/96 (20,8%)
27	Quảng Ninh	Tập huấn nâng cao cho cán bộ về chuyển đổi số	15/54 (27,8%)
		Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	10/54 (18,5%)
		Bố trí cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin	9/54 (16,7%)
28	Quảng Trị	Hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	15/78 (19,2%)
		Đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức	14/78 (17,9%)
		Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	12/78 (15,4%)
29	Sơn La	Cần tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ, công chức về chuyển đổi số	15/75 (20,0%)
		Cần bổ sung kinh phí cho chuyển đổi số và hạ tầng CNTT	10/75 (13,3%)
		Cần hỗ trợ trang thiết bị và kết nối Internet cho các xã	8/75 (10,7%)
30	Tây Ninh	Đào tạo và bồi dưỡng nhân lực công nghệ thông tin	10/96 (10,4%)
		Cải thiện hệ thống thủ tục hành chính điện tử	9/96 (9,4%)
		Hỗ trợ kinh phí và trang thiết bị cho chuyển đổi số	8/96 (8,3%)
31	Thái Nguyên	Cần cải thiện hệ thống thông tin giải quyết TTHC	26/92 (28,3%)
		Tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức	15/92 (16,3%)
		Hỗ trợ kinh phí và trang thiết bị cho chuyển đổi số	14/92 (15,2%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
32	Thanh Hóa	Tổ chức tập huấn chuyên sâu về công nghệ thông tin và chuyển đổi số	38/166 (22,9%)
		Hỗ trợ kinh phí cho công tác chuyển đổi số	34/166 (20,5%)
		Cần nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	30/166 (18,1%)
33	Tuyên Quang	Tổ chức tập huấn cho cán bộ về chuyển đổi số	25/124 (20,2%)
		Cấp kinh phí mua sắm trang thiết bị	15/124 (12,1%)
		Bổ sung nhân lực cho công tác chuyển đổi số	14/124 (11,3%)
34	Vĩnh Long	Thiếu nhân sự có chuyên môn về công nghệ thông tin	16/124 (12,9%)
		Cần hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	14/124 (11,3%)
		Cần tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức	12/124 (9,7%)

Phụ lục 19
VƯỚNG MẮC KHÓ KHĂN CHÍNH Ở CẤP MẶT TRẬN TỔ QUỐC

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
1	An Giang	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	17/102 (16,7%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	10/102 (9,8%)
		Trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của người dân chưa đồng đều	8/102 (7,8%)
2	Bắc Ninh	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	20/99 (20,2%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	15/99 (15,2%)
		Trình độ công nghệ thông tin của cán bộ và người dân còn hạn chế	12/99 (12,1%)
3	Cà Mau	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	12/64 (18,8%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	7/64 (10,9%)
		Cán bộ kiêm nhiệm thiếu chuyên môn CNTT	6/64 (9,4%)
4	TP. Cần Thơ	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	25/103 (24,3%)
		Thiếu thiết bị và nguồn nhân lực	10/103 (9,7%)
		Trình độ ứng dụng công nghệ thông tin chưa đồng đều	7/103 (6,8%)
5	Cao Bằng	Khó tiếp cận công nghệ cho người lớn tuổi	12/56 (21,4%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	7/56 (12,5%)
		Trình độ dân trí không đồng đều	7/56 (12,5%)
6	TP. Đà Nẵng	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	36/94 (38,3%)
		Thiếu thiết bị công nghệ thông tin và điện thoại thông minh	20/94 (21,3%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	15/94 (16,0%)
7	Đắk Lắk	Trình độ dân trí không đồng đều, khó tiếp cận công nghệ	32/102 (31,4%)
		Thiếu thiết bị công nghệ và hạ tầng mạng	28/102 (27,5%)
		Thiếu kinh phí và nguồn lực cho tuyên truyền	25/102 (24,5%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
8	Điện Biên	Trình độ dân trí không đồng đều	14/45 (31,1%)
		Khó khăn về hạ tầng (điện, internet, giao thông)	12/45 (26,7%)
		Thiếu nhân lực và cán bộ chuyên môn	8/45 (17,8%)
9	Đồng Nai	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	16/95 (16,8%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	9/95 (9,5%)
		Địa bàn rộng, dân số đông, trình độ dân trí không đồng đều	8/95 (8,4%)
10	Đồng Tháp	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	21/102 (20,6%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	10/102 (9,8%)
		Người dân trình độ thấp, không sử dụng smartphone	9/102 (8,8%)
11	Gia Lai	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	34/135 (25,2%)
		Thiếu trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin	25/135 (18,5%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	22/135 (16,3%)
12	TP. Hà Nội	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	22/126 (17,5%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	8/126 (6,3%)
		Trình độ dân trí thấp, khó tiếp cận thông tin	7/126 (5,6%)
13	Hà Tĩnh	Cán bộ Mặt trận và các chi đoàn, chi hội chưa được đào tạo chuyên sâu về công nghệ thông tin	30/69 (43,5%)
		Một số thủ tục hành chính trực tuyến còn phức tạp, khó thao tác	20/69 (29,0%)
		Nhiều người dân không sử dụng máy điện thoại thông minh, không sử dụng internet	18/69 (26,1%)
14	TP. Hải Phòng	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	30/114 (26,3%)
		Thiếu trang thiết bị hỗ trợ	15/114 (13,2%)
		Nhận thức và kỹ năng số của người dân còn hạn chế	12/114 (10,5%)
15	TP. Hồ Chí Minh	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	30/168 (17,9%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	10/168 (6,0%)
		Năng lực số của người dân, cán bộ công chức còn hạn chế	6/168 (3,6%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
16	TP. Huế	Khó khăn trong tiếp cận công nghệ thông tin	12/40 (30,0%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	6/40 (15,0%)
		Trình độ công nghệ thông tin của người dân còn thấp	6/40 (15,0%)
17	Hưng Yên	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	30/104 (28,8%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	15/104 (14,4%)
		Cán bộ thiếu kỹ năng công nghệ thông tin	12/104 (11,5%)
18	Khánh Hòa	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	10/65 (15,4%)
		Trình độ dân trí một bộ phận nhân dân chưa cao	7/65 (10,8%)
		Thiếu kỹ năng sử dụng thiết bị công nghệ	6/65 (9,2%)
19	Lai Châu	Thiếu cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin	6/38 (15,8%)
		Trình độ công nghệ thông tin của người dân còn hạn chế	5/38 (13,2%)
		Khó khăn trong việc vận động và tiếp cận công nghệ	4/38 (10,5%)
20	Lâm Đồng	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	20/124 (16,1%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	15/124 (12,1%)
		Địa bàn rộng, dân số đông, khó khăn trong công tác vận động	14/124 (11,3%)
21	Lạng Sơn	Hạn chế kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	12/65 (18,5%)
		Trình độ dân trí không đồng đều	10/65 (15,4%)
		Hạ tầng mạng internet chưa ổn định	9/65 (13,8%)
22	Lào Cai	Trình độ dân trí không đồng đều	34/99 (34,3%)
		Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	17/99 (17,2%)
		Thiếu cơ sở vật chất và kinh phí	15/99 (15,2%)
23	Nghệ An	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	30/130 (23,1%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	15/130 (11,5%)
		Trình độ dân trí không đồng đều	14/130 (10,8%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
24	Ninh Bình	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	20/129 (15,5%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	10/129 (7,8%)
		Nhận thức của người dân về công nghệ số còn hạn chế	9/129 (7,0%)
25	Phú Thọ	Nhận thức về chuyển đổi số của người dân còn hạn chế	22/148 (14,9%)
		Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	20/148 (13,5%)
		Thiếu trang thiết bị và hạ tầng công nghệ thông tin	18/148 (12,2%)
26	Quảng Ngãi	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	18/96 (18,8%)
		Địa bàn rộng, giao thông khó khăn	14/96 (14,6%)
		Thiếu thiết bị công nghệ và nhân lực chuyên môn	10/96 (10,4%)
27	Quảng Ninh	Trình độ hiểu biết về CNTT của người dân còn hạn chế	15/54 (27,8%)
		Thiếu thiết bị công nghệ thông tin	10/54 (18,5%)
		Địa bàn rộng, khó khăn trong tiếp cận công nghệ	9/54 (16,7%)
28	Quảng Trị	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ thông tin	21/78 (26,9%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	15/78 (19,2%)
		Địa bàn rộng, dân số đông, cán bộ còn thiếu	14/78 (17,9%)
29	Sơn La	Trình độ dân trí không đồng đều	15/75 (20,0%)
		Khó khăn trong tiếp cận công nghệ thông tin	12/75 (16,0%)
		Cơ sở vật chất và trang thiết bị hạn chế	10/75 (13,3%)
30	Tây Ninh	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	12/96 (12,5%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	6/96 (6,2%)
		Thiếu nguồn nhân lực cho chuyển đổi số	5/96 (5,2%)
31	Thái Nguyên	Khó khăn trong tiếp cận công nghệ thông tin	20/92 (21,7%)
		Thiếu thiết bị công nghệ và hạ tầng	15/92 (16,3%)
		Trình độ dân trí thấp và nhận thức hạn chế	14/92 (15,2%)

STT	Tỉnh/thành phố	Vướng mắc chính trong ngày	Số xã gặp vướng mắc
32	Thanh Hóa	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	25/166 (15,1%)
		Tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh thấp	20/166 (12,0%)
		Trình độ dân trí không đồng đều	19/166 (11,4%)
33	Tuyên Quang	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	25/124 (20,2%)
		Trình độ dân trí không đồng đều	23/124 (18,5%)
		Thiếu hạ tầng công nghệ và thiết bị	20/124 (16,1%)
34	Vĩnh Long	Người dân lớn tuổi khó tiếp cận công nghệ	19/124 (15,3%)
		Thiếu kinh phí tổ chức tuyên truyền	10/124 (8,1%)
		Trình độ sử dụng công nghệ thông tin của người dân còn hạn chế	9/124 (7,3%)

Phụ lục 20
KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT Ở CẤP MẶT TRẬN TỔ QUỐC

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
1	An Giang	Tập huấn chuyển đổi số	20/102 (19,6%)
		Nâng cấp trang thiết bị và đường truyền	15/102 (14,7%)
		Hỗ trợ kinh phí cho công tác chuyển đổi số	10/102 (9,8%)
2	Bắc Ninh	Cần hỗ trợ kinh phí và trang thiết bị cho chuyển đổi số	25/99 (25,3%)
		Tổ chức lớp tập huấn về chuyển đổi số	21/99 (21,2%)
		Cần bổ sung biên chế và nhân lực cho MTTQ	19/99 (19,2%)
3	Cà Mau	Tập huấn cho cán bộ về chuyển đổi số	12/64 (18,8%)
		Hỗ trợ trang thiết bị cho công tác chuyển đổi số	10/64 (15,6%)
		Cần bổ sung biên chế cho MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội	6/64 (9,4%)
4	TP. Cần Thơ	Tập huấn hướng dẫn cho cán bộ	12/103 (11,7%)
		Hỗ trợ trang thiết bị cho chuyển đổi số	8/103 (7,8%)
		Hướng dẫn về chuyển đổi số	7/103 (6,8%)
5	Cao Bằng	Tập huấn về chuyển đổi số	12/56 (21,4%)
		Thiếu biên chế cho MTTQ	6/56 (10,7%)
		Cần trang thiết bị và hỗ trợ kinh phí	5/56 (8,9%)
6	TP. Đà Nẵng	Tổ chức tập huấn cho cán bộ	20/94 (21,3%)
		Hỗ trợ kinh phí và trang thiết bị cho chuyển đổi số	15/94 (16,0%)
		Nâng cấp hạ tầng CNTT	10/94 (10,6%)
7	Đắk Lắk	Tập huấn về chuyển đổi số	27/102 (26,5%)
		Thiếu trang thiết bị và cơ sở vật chất	25/102 (24,5%)
		Thiếu kinh phí hoạt động	10/102 (9,8%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
8	Điện Biên	Tập huấn chuyển đổi số cho cán bộ	12/45 (26,7%)
		Đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	10/45 (22,2%)
		Phủ sóng internet và điện lưới	8/45 (17,8%)
9	Đồng Nai	Tăng cường tập huấn về chuyển đổi số	10/95 (10,5%)
		Cần trang bị trang thiết bị cho chuyển đổi số	9/95 (9,5%)
		Hỗ trợ về kinh phí và nhân lực cho chuyển đổi số	8/95 (8,4%)
10	Đồng Tháp	Hỗ trợ trang thiết bị và phần mềm cho chuyển đổi số	15/102 (14,7%)
		Tổ chức tập huấn và đào tạo cho cán bộ	14/102 (13,7%)
		Cần có hướng dẫn cụ thể cho cấp xã	9/102 (8,8%)
11	Gia Lai	Thiếu biên chế và nhân lực công nghệ thông tin	25/135 (18,5%)
		Cần tổ chức tập huấn về chuyển đổi số	23/135 (17,0%)
		Thiếu trang thiết bị và cơ sở vật chất	22/135 (16,3%)
12	TP. Hà Nội	Tăng cường tập huấn về chuyển đổi số	20/126 (15,9%)
		Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin	15/126 (11,9%)
		Hỗ trợ trang thiết bị và kinh phí cho chuyển đổi số	12/126 (9,5%)
13	Hà Tĩnh	Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền, các tổ chức đoàn thể và MTTQ trong việc tuyên truyền và nâng cao nhận thức về chuyển đổi số	15/69 (21,7%)
		Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến và hỗ trợ 24/7	12/69 (17,4%)
		Tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng giao tiếp và thái độ phục vụ người dân cho đội ngũ cán bộ	10/69 (14,5%)
14	TP. Hải Phòng	Tập huấn chuyên môn cho cán bộ	28/114 (24,6%)
		Cung cấp trang thiết bị công nghệ	20/114 (17,5%)
		Nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin	15/114 (13,2%)
15	TP. Hồ Chí Minh	Cần tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ	12/168 (7,1%)
		Cần có hướng dẫn cụ thể về chuyển đổi số	10/168 (6,0%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
		Cần nâng cấp hệ thống và trang thiết bị	9/168 (5,4%)
16	TP. Huế	Tổ chức lớp tập huấn về chuyển đổi số	12/40 (30,0%)
		Nâng cấp cơ sở hạ tầng và trang thiết bị	8/40 (20,0%)
		Tăng cường tuyên truyền chính sách chuyển đổi số	6/40 (15,0%)
17	Hưng Yên	Hỗ trợ trang thiết bị và cơ sở vật chất	25/104 (24,0%)
		Tổ chức tập huấn và đào tạo	23/104 (22,1%)
		Tăng cường tuyên truyền về chuyển đổi số	15/104 (14,4%)
18	Khánh Hòa	Cần tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ	7/65 (10,8%)
		Hỗ trợ về trang thiết bị và cơ sở vật chất	6/65 (9,2%)
		Cần có hướng dẫn cụ thể từ cấp trên	6/65 (9,2%)
19	Lai Châu	Cần hỗ trợ trang thiết bị và hạ tầng công nghệ	5/38 (13,2%)
		Cần đào tạo và tập huấn cho cán bộ	4/38 (10,5%)
		Cần biên chế và chế độ hỗ trợ cho cán bộ	3/38 (7,9%)
20	Lâm Đồng	Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng cho cán bộ	30/124 (24,2%)
		Cung cấp trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin	25/124 (20,2%)
		Hướng dẫn, văn bản cụ thể về chuyển đổi số	20/124 (16,1%)
21	Lạng Sơn	Tập huấn kỹ năng số cho cán bộ	10/65 (15,4%)
		Cung cấp trang thiết bị làm việc	8/65 (12,3%)
		Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động MTTQ	6/65 (9,2%)
22	Lào Cai	Tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ MTTQ	25/99 (25,3%)
		Đầu tư trang thiết bị, hạ tầng cho chuyển đổi số	22/99 (22,2%)
		Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chuyển đổi số	15/99 (15,2%)
23	Nghệ An	Tập huấn chuyển đổi số cho cán bộ	34/130 (26,2%)
		Hỗ trợ kinh phí cho chuyển đổi số	25/130 (19,2%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
		Cần bổ sung nhân lực cho MTTQ	22/130 (16,9%)
24	Ninh Bình	Tập huấn về chuyển đổi số	20/129 (15,5%)
		Bổ sung biên chế cho MTTQ	8/129 (6,2%)
		Cấp kinh phí cho cơ sở hạ tầng và thiết bị	7/129 (5,4%)
25	Phú Thọ	Tăng cường tập huấn cho cán bộ công chức	25/148 (16,9%)
		Nâng cấp cơ sở hạ tầng và thiết bị	22/148 (14,9%)
		Hỗ trợ kinh phí và thiết bị cho các khu dân cư	20/148 (13,5%)
26	Quảng Ngãi	Tập huấn về chuyển đổi số	14/96 (14,6%)
		Hỗ trợ trang thiết bị và cơ sở hạ tầng	9/96 (9,4%)
		Tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn	7/96 (7,3%)
27	Quảng Ninh	Tập huấn chuyển đổi số cho cán bộ và người dân	10/54 (18,5%)
		Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị cho chuyển đổi số	7/54 (13,0%)
		Hướng dẫn và chuẩn hóa dữ liệu	5/54 (9,3%)
28	Quảng Trị	Tập huấn về chuyển đổi số và công nghệ thông tin	30/78 (38,5%)
		Thiếu biên chế và nguồn lực cho MTTQ cấp xã	15/78 (19,2%)
		Cần trang bị thiết bị và cơ sở hạ tầng CNTT	12/78 (15,4%)
29	Sơn La	Tập huấn về chuyển đổi số	19/75 (25,3%)
		Hỗ trợ kinh phí và trang thiết bị	14/75 (18,7%)
		Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin	10/75 (13,3%)
30	Tây Ninh	Tập huấn về chuyển đổi số	10/96 (10,4%)
		Cần có cán bộ chuyên môn về chuyển đổi số	6/96 (6,2%)
		Tuyên truyền về chuyển đổi số	5/96 (5,2%)
31	Thái Nguyên	Tập huấn cho cán bộ	15/92 (16,3%)
		Nâng cấp hạ tầng mạng	7/92 (7,6%)

STT	Tỉnh/thành phố	Kiến nghị và đề xuất	Số xã gặp vướng mắc
		Hỗ trợ nguồn lực cho MTTQ	6/92 (6,5%)
32	Thanh Hóa	Thiếu trang thiết bị và máy tính	37/166 (22,3%)
		Cần tăng cường tập huấn và đào tạo	29/166 (17,5%)
		Thiếu cán bộ và nguồn nhân lực	23/166 (13,9%)
33	Tuyên Quang	Đề nghị mở lớp tập huấn về chuyển đổi số	21/124 (16,9%)
		Cấp trang thiết bị cho MTTQ	18/124 (14,5%)
		Đề nghị hỗ trợ kinh phí cho hoạt động tuyên truyền	15/124 (12,1%)
34	Vĩnh Long	Cần tổ chức tập huấn cho cán bộ và người dân	16/124 (12,9%)
		Cần bổ sung biên chế cho Mặt trận	8/124 (6,5%)
		Cần cải thiện hệ thống CNTT và trang thiết bị	7/124 (5,6%)

Phụ lục 21
TỈ LỆ HOÀN THÀNH CÁC TIÊU CHÍ Ở GIAI ĐOẠN 2 CẤP TỈNH Ở 4 CẤP

STT	Tỉnh, thành phố	Tỉ lệ hoàn thành Đảng ủy	Tỉ lệ hoàn thành Hội đồng Nhân dân	Tỉ lệ hoàn thành Ủy ban Nhân dân	Tỉ lệ hoàn thành Mặt trận Tổ quốc
1	An Giang	94,74%	85,71%	81,82%	52,63%
2	Bắc Ninh	94,74%	57,14%	86,36%	68,42%
3	Cà Mau	73,68%	92,86%	95,45%	52,63%
4	Thành phố Cần Thơ	73,68%	92,86%	81,82%	63,16%
5	Cao Bằng	68,42%	71,43%	77,27%	52,63%
6	Thành phố Đà Nẵng	89,47%	78,57%	95,45%	73,68%
7	Đắk Lắk	73,68%	57,14%	63,64%	57,89%
8	Điện Biên	73,68%	92,86%	86,36%	42,11%
9	Đồng Nai	78,95%	78,57%	72,73%	63,16%
10	Đồng Tháp	73,68%	71,43%	86,36%	63,16%
11	Gia Lai	84,21%	78,57%	95,45%	94,74%
12	Thành phố Hà Nội	57,89%	92,86%	0%	47,37%
13	Hà Tĩnh	94,74%	78,57%	95,45%	57,89%
14	Thành phố Hải Phòng	78,95%	85,71%	86,36%	73,68%
15	Thành phố Hồ Chí Minh	73,68%	78,57%	0%	36,84%
16	Thành phố Huế	0%	78,57%	81,82%	52,63%
17	Hưng Yên	63,16%	85,71%	77,27%	52,63%
18	Khánh Hòa	0%	85,71%	0%	84,21%
19	Lai Châu	89,47%	71,43%	0%	89,47%
20	Lâm Đồng	52,63%	0%	72,73%	0%
21	Lạng Sơn	73,68%	78,57%	81,82%	36,84%

STT	Tỉnh, thành phố	Tỉ lệ hoàn thành Đảng ủy	Tỉ lệ hoàn thành Hội đồng Nhân dân	Tỉ lệ hoàn thành Ủy ban Nhân dân	Tỉ lệ hoàn thành Mặt trận Tổ quốc
22	Lào Cai	100%	85,71%	81,82%	68,42%
23	Nghệ An	0%	0%	95,45%	0%
24	Ninh Bình	84,21%	71,43%	90,91%	78,95%
25	Phú Thọ	100%	100%	95,45%	84,21%
26	Quảng Ngãi	94,74%	71,43%	77,27%	68,42%
27	Quảng Ninh	94,74%	78,57%	90,91%	68,42%
28	Quảng Trị	89,47%	57,14%	86,36%	84,21%
29	Sơn La	94,74%	92,86%	72,73%	47,37%
30	Tây Ninh	78,95%	78,57%	86,36%	42,11%
31	Thái Nguyên	84,21%	85,71%	95,45%	0%
32	Thanh Hóa	0%	85,71%	90,91%	84,21%
33	Tuyên Quang	73,68%	0%	77,27%	94,74%
34	Vĩnh Long	73,68%	64,29%	95,45%	57,89%

Phụ lục 22
VƯỚNG MẮC Ở GIAI ĐOẠN 2 CẤP TỈNH Ở 4 CẤP – ĐẢNG ỦY (27/34 tỉnh, thành phố)

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
1	Tỉnh ủy An Giang	Nguồn nhân lực tham gia, hỗ trợ cho quá trình chuyển đổi số còn thiếu, đặc biệt là tại cấp cơ sở
2	Tỉnh ủy Bắc Ninh	Cấp xã chưa ổn định, ..
3	Đảng ủy Cà Mau	Kinh phí đầu tư
4	Thành ủy Cần Thơ	Thiếu cán bộ chuyên trách về CNTT
5	Tỉnh ủy Cao Bằng	Khó khăn về kinh phí dành cho chuyển đổi số, đảm bảo an ninh an toàn, về đào tạo, về nhân lực chuyển đổi số tại các cơ quan TMGV Tỉnh ủy và cơ sở
6	Tỉnh ủy Đắk Lắk	Khó khăn trong công tác số hóa tài liệu lịch sử.
7	Tỉnh ủy Điện Biên	Hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ; việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật còn khó khăn do bố trí nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030, vừa thiếu nguồn nhân lực chuyên ngành chất lượng cao.
8	Tỉnh ủy Đồng Nai	1. Đối với tài liệu lưu trữ hiện nay các cơ quan, đơn vị đang thực hiện chỉnh lý tài liệu, sau khi thực hiện chỉnh lý tài liệu xong mới thực hiện số hóa tài liệu lưu trữ theo quy định được. 2. Thiếu các trang thiết bị phục vụ cho việc số hóa (máy tính, máy scan,..) 3. Thiếu nhân lực cho việc thực hiện số hóa tài liệu do các cấp ủy trực thuộc chỉ có biên chế 01 văn thư kiêm lưu trữ.
9	Tỉnh ủy Đồng Tháp	- Kiến nghị Trung ương sớm có văn bản hướng dẫn quy trình xử lý văn bản điện tử các cấp (tỉnh, xã). - Ủy quyền việc thay đổi thông tin chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ cho cấp tỉnh; - Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phần cứng đáp ứng nhu cầu triển khai các hệ thống dùng chung của Trung ương đến cấp tỉnh tránh tình trạng quá tải gây gián đoạn phía người dùng.
10	Tỉnh ủy Gia Lai	- Số hóa tài liệu lưu trữ trong các cơ quan đảng toàn tỉnh; - phần mềm điều hành tác nghiệp của các cơ quan đảng hoạt động chưa ổn định, gây khó khăn trong công tác gửi nhận văn bản; - gửi nhận liên thông chưa ổn định; - trang thiết bị của các xã, phường chưa hiện đại đồng bộ; - thiết bị BML10 của các xã hoạt động chưa ổn định;
11	Thành ủy Hà Nội	Đội ngũ cán bộ về công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn thiếu và yếu

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
12	Tỉnh ủy Hà Tĩnh	Cơ chế, chính sách thực hiện các nội dung về triển khai chuyển đổi số còn chưa rõ ràng, hệ thống dùng chung chưa hoàn toàn hoạt động ổn định, cơ sở hạ tầng còn thiếu so với yêu cầu sử dụng thực tế. Nhân lực về chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng chưa đáp ứng về số lượng, chất lượng.
13	Thành ủy Thành phố Hải Phòng	1. Cán bộ làm Chuyển đổi số tại các đơn vị còn thiếu và yếu 2. Trình độ CNTT của cán bộ công chức chưa đáp ứng yêu cầu của Chuyển đổi số, nhất là tại các xã phường 3. Trang thiết bị CNTT chưa đồng bộ, còn thiếu nhất là tại các xã, phường
14	Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh	Hệ thống phần mềm do TW triển khai tập trung chưa đáp ứng được yêu cầu ở cấp tỉnh, cấp xã. Hiện nay, nhiều hệ thống phần mềm triển khai tuy nhiên nhân lực làm công tác chuyển đổi số ở phường, xã còn hạn chế nên ảnh hưởng đến tiến độ.
15	Tỉnh ủy Hưng Yên	Cơ chế chính sách, kinh phí đầu tư, hệ thống dùng chung và nhân lực
16	Tỉnh ủy Lâm Đồng	Phần mềm do TW chuyển giao còn lỗi gây khó khăn trong triển khai thực hiện. Một số cơ quan chưa có biên chế công nghệ thông tin nên khó khăn trong tổ chức thực hiện.
17	Tỉnh ủy Lào Cai	- Nhiều nội dung yêu cầu trong báo cáo không phù hợp với báo cáo ngày, việc thống kê mất nhiều thời gian, ví dụ: (1) Tỷ lệ các cuộc họp được cơ quan tổ chức bằng hình thức trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến trên tổng số các cuộc họp đã diễn ra (nếu báo cáo thì phải rà soát toàn bộ các cuộc họp trong tỉnh liên quan đến rất nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương). (2) Việc ban hành và thực thi quy chế, quy định về đánh giá mức độ hoàn thành công việc của cá nhân, đơn vị dựa trên kết quả theo dõi, thống kê từ hệ thống (đang chờ hướng dẫn của Trung ương, đã tham gia ý kiến vào dự thảo của Trung ương).
18	Tỉnh ủy Ninh Bình	Hạ tầng CNTT chưa đồng đều (cấp xã, phường), phần mềm còn phát sinh nhiều lỗi. Cán bộ CNTT cấp xã phường kiêm nhiệm, chưa đào tạo bài bản.
19	Tỉnh ủy Phú Thọ	Đề nghị UBKTTW sớm cấp tài khoản cho hệ thống quản lý hồ sơ kiểm tra, giám sát để triển khai trên toàn tỉnh;
20	Tỉnh ủy Quảng Ngãi	(1) Hệ thống điều hành tác nghiệp dùng chung của các cơ quan Đảng triển khai hiện nay có nhiều bất cập như: quy trình xử lý văn bản trên phần mềm chưa thực sự khoa học, chưa tinh gọn, còn nhiều thao tác thừa, dẫn đến tốn thời gian và giảm năng suất làm việc và chưa bảo đảm yêu cầu tái cấu trúc như chỉ đạo của Văn phòng Trung ương Đảng; nhiều lỗi phát sinh chưa rõ nguyên nhân; app không thông báo khi chuyển văn bản đến người xử; App trên iPad đăng nhập thông qua VNeID nên còn nhiều bất cập; hệ thống hoạt động chưa ổn định và thường xuyên gián đoạn truy cập ảnh hưởng hoạt động chung của các cơ quan... Đồng thời, mô hình liên thông nội bộ các tỉnh phải lên Trục liên thông Văn bản quốc gia nên

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
		với số lượng văn bản nhiều thường phát sinh lỗi, chậm, khó kiểm tra, giám sát (ví dụ: Đảng ủy cấp xã gửi qua UBND cấp xã phải chạy lên trực Liên thông văn bản quốc gia, vòng qua nhiều nút trung gian). (2) Phần mềm Quản lý tài liệu số hóa lưu trữ do Văn phòng Trung ương Đảng chuyển giao chưa hỗ trợ phân quyền theo quy trình khai thác (đăng ký, duyệt khai thác, thống kê, báo cáo...) nên chưa phát huy hết giá trị của tài liệu đã số hóa... (3) Hạ tầng kỹ thuật của một số cơ quan, đơn vị chưa hoàn thiện do trong thời gian ngắn không thể thực hiện mua sắm, đầu tư, nâng cấp; trang thiết bị ở cấp xã nhiều nơi xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu công việc. (4) Thiết bị bảo mật kênh truyền BML hoạt động không ổn định, thường xuyên mất kết nối; bên cạnh đó, ở tỉnh chưa có công cụ để giám sát trạng thái kết nối đường truyền, thiết bị bảo mật kênh truyền của các cơ quan, đơn vị trực thuộc trên địa bàn nên việc phối hợp, hỗ trợ khắc phục sự cố gặp nhiều khó khăn và tốn nhiều thời gian, nhất là trong các ngày cuối tuần. (5) - Phạm vi địa bàn rộng, đầu mối triển khai nhiều, thời gian triển khai ngắn, nhưng các cơ quan, đơn vị chưa bố trí cán bộ chuyên trách có trình độ công nghệ thông tin để làm đầu mối tiếp nhận, tham mưu, triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin; có nơi đã bố trí, nhưng không có chuyên môn về công nghệ thông tin; bên cạnh đó, hệ thống mật chưa cho phép triển khai các phần mềm hỗ trợ từ xa, nên còn gặp nhiều khó khăn trong công tác triển khai, hướng dẫn, hỗ trợ.
21	Tỉnh ủy tỉnh Quảng Ninh	Nguồn nhân lực chuyên trách về Công nghệ thông tin còn thiếu
22	Tỉnh ủy Quảng Trị	Kinh phí cho các tỉnh ủy
23	Đảng ủy tỉnh Sơn La	Nhân lực làm về lĩnh vực công nghệ thông tin còn yếu và thiếu, kinh phí đầu tư trang thiết bị cho chuyển đổi số còn ít.
24	Tỉnh ủy Tây Ninh	Số lượng biên chế chưa đủ để hỗ trợ các đơn vị chuyển đổi số, đa số các cơ quan chưa bố trí được cán bộ có trình độ CNTT thực hiện chuyển đổi số, hầu hết là cán bộ kiêm nhiệm. Chưa có hướng dẫn thực hiện Nghị định số 179/2025/NĐ-CP về việc hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng
25	Đảng ủy Thái Nguyên	Hạ tầng công nghệ thông tin ở một số đơn vị cơ sở chưa đồng bộ, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Nguồn kinh phí đầu tư, duy trì và nâng cấp các hệ thống còn hạn chế. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đồng đều, cần tăng cường tập huấn, bồi dưỡng. Thiếu hướng dẫn kỹ thuật thống nhất từ cấp trên trong quá trình triển khai, vận hành các phần mềm, hệ thống(hệ thống mới nên vừa làm vừa sửa)

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
26	Đảng ủy Tỉnh Tuyên Quang	nguồn lực
27	Đảng ủy Vĩnh Long	Thiết bị công nghệ thông tin cấp xã đa phần cấu hình thấp. Tuy nhiên có bố trí kinh phí để trang bị nhưng chưa đầy đủ

Phụ lục 23
VƯỚNG MẮC Ở GIAI ĐOẠN 2 CẤP TỈNH Ở 4 CẤP – HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (30/34 tỉnh, thành phố)

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
1	HĐND tỉnh An Giang	- Các phần mềm, nền tảng dữ liệu dùng chưa đảm bảo phục vụ lượng truy cập cao (Văn phòng điện tử, cổng hành chính công trực tuyến, VssID, VNeID,...) - Chất lượng internet ở một số xã, đặc khu chưa đảm bảo. - Nhân sự thực hiện công tác chuyển đổi số ở cấp xã còn nhiều khó khăn. - Tiêu chuẩn trang bị máy tính phục vụ công tác hiện nay chưa theo kịp nhu cầu nhiệm vụ.
2	HĐND tỉnh Bắc Ninh	1. Nâng cấp hệ thống CNTT dùng chung trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, tránh lỗi khi sử dụng, đường truyền riêng đảm bảo thông suốt đến các xã, phường trên địa bàn tỉnh. 2. Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn
3	HĐND Cà Mau	Hạ tầng thiết bị Công nghệ thông tin cần được nâng cấp
4	HĐND Thành phố Cần Thơ	do hạ tầng công nghệ chưa đầu tư đồng bộ
5	HĐND tỉnh Cao Bằng	Kinh phí và nguồn nhân lực
6	HĐND Thành phố Đà Nẵng	Nhiều hệ thống triển khai nhưng chưa tích hợp chung nên khó khăn cho người dùng (chưa đồng nhất gói khoản sử dụng). Chưa có sự hướng dẫn, sự đầu tư trang bị thống nhất về hạ tầng cho các cơ quan.
7	HĐND Tỉnh Đắk Lắk	Thiếu nhân sự chuyên về mảng Công nghệ thông tin, hiện nay chỉ có 01 công chức làm ở vị trí này
8	HĐND Tỉnh Điện Biên	Hệ thống đường truyền internet, trang thiết bị để phục vụ cho triển khai chuyển đổi số.
9	HĐND Tỉnh Đồng Nai	Khó khăn về chính sách và kinh phí thực hiện
10	HĐND tỉnh Đồng Tháp	Chưa được tập huấn
11	HĐND tỉnh Gia Lai	Hạ tầng Công nghệ thông tin chưa đồng bộ
12	HĐND Thành phố Hà Nội	Hạ tầng thiết bị công nghệ tại các xã, phường còn cũ. Hệ thống phần mềm dùng chung còn ít. Số lượng nhân sự làm công tác chuyển đổi số còn hạn chế
13	HĐND Hà Tĩnh	\\- Hệ thống dùng chung của tỉnh hiện nay: Hiện nay Hội đồng nhân dân tỉnh đang dùng hệ thống dùng chung nội tỉnh (do Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh quản trị). Hệ thống được kết nối với trực liên thông Quốc gia, tuy nhiên hiện các cơ quan của Quốc hội đã sắp xếp lại nhưng chưa ban hành mã định danh

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
		điện tử cho từng cơ quan nên việc gửi nhận, trao đổi thông tin đang gặp nhiều khó khăn (các văn bản thực hiện ký số trên hệ thống xong nhưng lại phải gửi bản giấy). - Sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin và chuyển đổi số hiện nay còn thiếu. Lực lượng này đồng thời phải tham mưu, giúp việc cho cả Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã, nên khối lượng công việc lớn, khó đảm bảo tính chuyên sâu. Do đó, việc triển khai các hệ thống, ứng dụng từ cấp trên xuống sẽ gặp nhiều khó khăn, nhất là trong khâu vận hành, khai thác và hỗ trợ kỹ thuật. - Hiện nay, việc đào tạo chuyển đổi số, \\\Binh dân học vụ số\\ đang được triển khai đồng loạt trên môi trường số, nhưng qua quá trình tham gia nhận thấy có một số chuyên mục, bài giảng chưa sát với thực tế, chưa gắn với nhu cầu của người học; đang mang nặng lý thuyết. Đề nghị thời gian tới cơ quan tham mưu cần xây dựng những bài giảng sát hơn, gắn với các đối tượng cần đào tạo. - Kiến nghị Văn phòng Quốc hội sớm triển khai app kỳ họp 2.0 của Quốc hội cho HĐND các tỉnh, tiến tới triển khai cho HĐND các xã, phường trên cả nước
14	HĐND Thành phố Hải Phòng	Thiếu trang thiết bị, phương tiện. Kỹ năng ứng dụng, sử dụng các phần mềm CNTT của một số lãnh đạo, chuyên viên còn có mặt hạn chế.
15	HĐND Thành phố Hồ Chí Minh	Triển khai dự án CNTT phải xin ghi vốn trước trước 1 năm. Năm sau mới được ghi vốn để thực hiện nên việc triển khai chưa được kịp thời
16	HĐND Thành phố Huế	1. Triển khai hệ thống điều hành tác nghiệp và quản lý văn bản điện tử: - Hệ thống điều hành tác nghiệp và quản lý văn bản điện tử đã được triển khai đồng bộ và thông suốt, tuy nhiên hệ thống vẫn còn nhiều lỗi kỹ thuật, việc kết nối đôi khi bị nghẽn dẫn đến ảnh hưởng việc xử lý văn bản qua hệ thống. - Trình độ, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ, công chức tham gia vào hệ thống vẫn còn hạn chế. 2. Hạ tầng kết nối: Hạ tầng kết nối tại Văn phòng đã được đầu tư đầy đủ, đáp ứng các quy định, yêu cầu công tác. 3. Triển khai các giải pháp bảo mật, mã hóa, chữ ký số chuyên dùng công vụ: Việc triển khai các giải pháp bảo mật, mã hóa, chữ ký số chuyên dùng công vụ tại Văn phòng đã được thực hiện đảm bảo theo quy định; tuy nhiên cần thường xuyên theo dõi thực hiện theo đúng quy trình và định kỳ kiểm tra, nâng cấp hệ thống đáp ứng việc bảo mật dữ liệu dùng chung. 4. Công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin:

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
		Văn phòng đã ban hành các quy trình, kế hoạch, định kỳ kiểm tra bảo đảm an ninh, an toàn thông tin cho toàn bộ các hệ thống thông tin tại Văn phòng; cho đến nay chưa để xảy ra sự cố về hệ thống, đảm bảo hệ thống thông tin hoạt động thông suốt 100%, công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin tuyệt đối không để xảy ra sự cố lộ lọt thông tin văn bản mật. Tuy nhiên, cần tăng cường cập nhật thông tin, tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức tham gia vào hệ thống về công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin.
17	HĐND tỉnh Hưng Yên	Hệ thống đường truyền chưa thông suốt, trình độ cán bộ thực hiện còn hạn chế
18	HĐND Khánh Hòa	Hạ tầng cơ sở vật chất; chất lượng nguồn nhân lực
19	HĐND tỉnh Lạng Sơn	Thiếu cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số; cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ
20	HĐND Lào Cai	-Hệ thống máy chủ, đường truyền internet ở một số bộ phận chưa thật sự ổn định, đặc biệt khi tổ chức các kỳ họp trực tuyến có quy mô lớn. Trang thiết bị CNTT phục vụ cho đại biểu (máy tính bảng, phần mềm ứng dụng) chưa được đồng bộ; Chưa có đội ngũ chuyên trách mạnh về công nghệ thông tin tại Văn phòng HĐND để xử lý các sự cố kỹ thuật kịp thời.
21	HĐND Tỉnh Ninh Bình	Khó khăn về hạ tầng, kỹ thuật và kinh phí hoạt động.
22	HĐND tỉnh Phú Thọ	cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, đường truyền
23	HĐND Quảng Ngãi	- Không có nhân sự có chuyên môn đào tạo về công nghệ thông tin để quản lý vận hành hệ thống họp trực tuyến và xử lý sự cố, kỹ thuật. - Biên chế bố trí để thực hiện nhiệm vụ về công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại cơ quan còn ít (01 nhân sự) chưa đảm bảo so với khối lượng, nhiệm vụ phải thực hiện. - Chưa có hệ thống văn bản hướng dẫn của Trung ương đối với công tác chuyển đổi số của HĐND cấp tỉnh, HĐND cấp xã
24	HĐND tỉnh Quảng Ninh	Thiếu cán bộ đáp ứng được yêu cầu công việc về công nghệ thông tin và chuyển đổi số, Tốc độ đường truyền, hạ tầng mạng yếu; thiết bị đầu cuối đã được đầu tư, mua sắm từ lâu, nhiều thiết bị đã hết khấu hao...
25	HĐND Quảng Trị	Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh hiện nay do mới triển khai lại sau quá trình sáp nhập 2 tỉnh nên chưa hoàn thiện, còn xảy ra một số lỗi.

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
26	HĐND tỉnh Sơn La	Cán bộ, công chức tham mưu chưa được tham dự lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, kỹ năng số đáp ứng nhu cầu công nghệ số, chuyển đổi số; việc đưa phần mềm phòng họp không giấy (Ecabinet) phục vụ kỳ họp của HĐND còn khó khắc các căn cứ pháp lý khi triển khai
27	HĐND tỉnh Tây Ninh	Hạ tầng CNTT chưa đồng bộ: Thiết bị cũ, đường truyền yếu, thiếu trung tâm dữ liệu đạt chuẩn. Phần mềm manh mún: Mỗi đơn vị dùng một hệ thống khác nhau, khó kết nối, liên thông. Thiếu nền tảng dữ liệu dùng chung: Dữ liệu phân tán, trùng lặp, khó chuẩn hóa. Bảo mật, an toàn thông tin: Khó đảm bảo trước các hình thức tấn công mạng ngày càng tinh vi.
28	HĐND Thái Nguyên	Hiện nay cán bộ chuyên môn về công nghệ thông tin chuyên trách phục vụ cơ quan Hội đồng nhân dân tỉnh chưa được chuyên sâu
29	HĐND Thanh Hóa	- Quy trình công việc truyền thống ăn sâu: Nhiều thủ tục vẫn yêu cầu văn bản giấy hoặc chữ ký tay, dẫn đến phải làm song song giấy + điện tử. - Quy định pháp lý về chữ ký số, lưu trữ điện tử: Chưa được áp dụng triệt để hoặc chưa đồng bộ giữa các cơ quan. - Khó kết nối, liên thông với hệ thống bên ngoài: Ví dụ liên thông với các cơ quan hành chính khác, bộ ngành trung ương... còn hạn chế.
30	HĐND Vĩnh Long	Từ năm 2024 Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh đã triển khai phần mềm họp không giấy để phục vụ các kỳ họp HĐND, họp Thường trực HĐND, các Ban HĐND, của Văn phòng và chi bộ; Khi triển khai phần mềm họp không giấy đến đại biểu HĐND, một số ít đại biểu còn chưa quen với việc xem tài liệu điện tử trên thiết bị thông minh cũng ảnh hưởng đến chất lượng của cuộc họp. Mặt khác đại biểu HĐND tỉnh công tác ở nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau nên việc gửi, nhận tài liệu phục vụ đại biểu đôi lúc cũng gặp khó khăn.

Phụ lục 24
VƯỚNG MẮC Ở GIAI ĐOẠN 2 CẤP TỈNH Ở 4 CẤP – ỦY BAN NHÂN DÂN (04/34 tỉnh, thành phố)

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
1	UBND Lâm Đồng	- Hiện tại, Bộ, ngành, Chính phủ chưa xây dựng mẫu biểu điện tử nộp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, dẫn tới người dân vẫn phải viết tờ khai thủ công để đính kèm trong thành phần hồ sơ khi nộp trực tuyến. - Về thủ tục phi địa giới hành chính: Chưa có quy định về thời gian luân chuyển hồ sơ, chi phí chuyển hồ sơ.
2	UBND tỉnh Lạng Sơn	1. Quy trình phối hợp nội bộ chưa đồng bộ; Thiếu trang thiết bị số hóa hồ sơ, 2. Vận hành hệ thống liên thông, tài chính đầu tư và giám sát chưa hiệu quả Kiến nghị: hoàn thiện chuẩn nghiệp vụ – quy trình – mẫu kịch bản; đầu tư trang thiết bị kịp thời. xây dựng công cụ giám sát, phản hồi, hỗ trợ người dân nhanh chóng.
3	UBND Tỉnh Nghệ An	Thời gian đầu có vướng mắc đối với các dịch vụ của Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính. Tuy nhiên hiện nay địa phương đã phối hợp cùng các bộ ngành xử lý
4	UBND tỉnh Quảng Ninh	Tại danh mục TTHC theo các phụ lục nhiều TTHC đã được bãi bỏ, nhiều TTHC đã được chuyển giao về cho các cơ quan, đơn vị khác, nhiều TTHC vẫn đang thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện chưa được công bố lại.

Phụ lục 25
VƯỚNG MẮC Ở GIAI ĐOẠN 2 CẤP TỈNH Ở 4 CẤP – MẶT TRẬN TỔ QUỐC (28/34 tỉnh, thành phố)

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
1	MTTQ tỉnh An Giang	Hệ thống đường truyền không đảm bảo và chưa có trang thiết bị họp trực tuyến
2	MTTQ tỉnh Bắc Ninh	Đường truyền internet đôi lúc còn chậm
3	MTTQ Cà Mau	Cơ sở vật chất chưa đảm bảo
4	MTTQ tỉnh Cao Bằng	vẫn chưa thống nhất được phương thức họp trực tuyến hợp lý, trang thiết bị còn thiếu
5	MTTQ Thành phố Đà Nẵng	Việc triển khai thực hiện chuyển đổi số trong điều kiện mới hợp nhất 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh; mặt bằng ứng dụng công nghệ thông tin không đồng đều, thiếu đồng bộ, hệ thống thông tin tác nghiệp chưa ổn định nên có những khó khăn nhất định trong công tác triển khai thực hiện tại đơn vị
6	MTTQ Tỉnh Đắk Lắk	Đường truyền yếu, trang thiết bị còn thiếu, nhân sự CNTT không có
7	MTTQ Tỉnh Điện Biên	Hệ thống hạ tầng CNTT còn thiếu đồng bộ, chưa được đầu tư thống nhất từ tỉnh đến cơ sở. Trang thiết bị (máy tính, máy chủ, đường truyền) nhiều nơi đã cũ, hiệu năng thấp, không đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ mới. Mạng Internet tại một số vùng sâu, vùng xa còn yếu, tốc độ chậm, gây gián đoạn khi triển khai các ứng dụng trực tuyến.
8	MTTQ Tỉnh Đồng Nai	Hiện chưa có một hệ thống chung, đồng bộ để triển khai họp trực tuyến từ tỉnh đến cơ sở, chủ yếu sử dụng các ứng dụng họp trực tuyến thông thường như: Zoom, Google meet, Webex. 'Phụ thuộc vào Hội trường của cấp ủy/UBND hoặc HĐND các xã nên không chủ động được thời gian; - Cơ quan cấp tỉnh không có chuyên viên về công nghệ thông tin nên tổ chức các hoạt động họp trực tuyến là hết sức khó khăn; - Hạ tầng công nghệ còn khó khăn.
9	MTTQ tỉnh Đồng Tháp	Cán bộ ở xã đa số là người mới, nên việc tiếp cận còn hạn chế
10	MTTQ tỉnh Gia Lai	Thiếu trang thiết bị phục vụ họp trực tuyến cho hệ thống mặt trận cấp xã, phường
11	MTTQ Thành phố Hà Nội	Hệ thống họp trực tuyến chưa kết nối trực tiếp đến các xã phường.
12	MTTQ Hà Tĩnh	Hệ thống cơ sở hạ tầng, thiết bị kết nối còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu họp trực tuyến hiện nay

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
13	MTTQ Thành phố Hồ Chí Minh	Hiện nay các đơn vị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, phường, đặc khu chưa được trang bị hệ thống Hội nghị trực tuyến, phía sử dụng chung với hệ thống của Đảng ủy hoặc Ủy ban nhân dân cùng cấp
14	MTTQ Thành phố Huế	Chưa thống nhất nền tảng chung trong toàn hệ thống của thành phố và ngành dọc nên dẫn đến khó khăn. Hiện tại cơ sở vật chất về hội họp trực tuyến cũng đang chưa được hoàn thiện. Đang mượn sử dụng hệ thống của Liên đoàn Lao động thành phố khi triển khai qua nền tảng Webex. Chưa có thiết bị riêng phục vụ hội họp trực tuyến của MTTQ.
15	MTTQ tỉnh Hưng Yên	Một số cán bộ không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố tuổi cao, không có điện thoại thông minh, dẫn đến việc trao đổi thông tin qua các ứng dụng môi trường số không tiếp cận được. Một số cán bộ, công chức, và nhân viên còn thiếu kiến thức, nhận thức về chuyển đổi số, cũng như cách áp dụng công nghệ mới vào công việc,
16	MTTQ Khánh Hòa	Chưa thống nhất chung 1 kênh họp trực tuyến. Sử dụng nhiều kênh họp khó khăn triển khai đến cấp cơ sở như: Zoom, Webex, Cục bưu điện...
17	MTTQ tỉnh Lai Châu	Chất lượng đường truyền Internet: Ở nhiều địa phương, đặc biệt vùng sâu vùng xa, mạng không ổn định gây gián đoạn, hình ảnh và âm thanh kém chất lượng. Thiết bị phần cứng hạn chế: Máy tính, camera, micro, loa không đồng bộ hoặc đã cũ, ảnh hưởng đến khả năng tham gia. Phần mềm, nền tảng họp trực tuyến: Một số phần mềm không tương thích với thiết bị, hoặc bị hạn chế tính năng khi dùng bản miễn phí.
18	MTTQ tỉnh Lạng Sơn	Hiện MTTQ tỉnh đã cắt đường truyền Viettel, đang xây dựng phương án sử dụng hệ thống trực tuyến của VNPT và chờ thêm hướng dẫn của Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
19	MTTQ Lào Cai	Một số đơn vị địa phương ở vùng sâu vùng xa do ảnh hưởng thời tiết nên việc kết nối đường truyền còn gặp khó khăn do tín hiệu không đảm bảo.
20	MTTQ Tỉnh Ninh Bình	chất lượng đường truyền, trang thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số còn hạn chế
21	MTTQ tỉnh Phú Thọ	hạ tầng mạng đang nâng cấp
22	MTTQ Quảng Ngãi	Hiện nay Cơ quan MTTQ Tỉnh có 01 bộ trang thiết bị tại Phòng họp Cơ quan được trang bị mới chất lượng đường truyền tốt, trang thiết bị mới, cán bộ phụ trách kỹ thuật sử dụng thành thạo, an toàn bảo mật

STT	Tỉnh, thành phố	Vướng mắc khó khăn
		thông tin. Riêng tại Hội trường Cơ quan là chưa có cơ sở vật chất để bố trí trang thiết bị trực tuyến đầy đủ.
23	MTTQ tỉnh Quảng Ninh	Các cuộc họp trực tuyến quy mô lớn đôi khi còn hạn chế về trao đổi trực tiếp, khó kiểm soát chất lượng đường truyền, ảnh hưởng đến hiệu quả thảo luận. Một số điểm cầu vùng sâu, vùng xa, đường truyền Internet chưa ổn định, trang thiết bị chưa đồng bộ, gây gián đoạn hình ảnh, âm thanh.
24	MTTQ Quảng Trị	Hệ thống trực tuyến thông qua kênh nội bộ đã được Ủy ban TW MTTQ Việt Nam cấp đến nay dừng hoạt động; chỉ có thể tổ chức các cuộc họp trực tuyến qua các phần mềm zoom, googlemeet và webex
25	MTTQ tỉnh Sơn La	- Đường truyền Internet yếu: Ở vùng sâu, vùng xa, tín hiệu không ổn định, gây giật, lag, rớt mạng giữa chừng. - Không đồng bộ thiết bị giữa các đơn vị: Dẫn đến lỗi kết nối hoặc không tương thích, phần mềm chạy tốt ở tỉnh nhưng lỗi ở xã do dùng máy cũ hơn. - Thiếu hướng dẫn sử dụng cụ thể: Không có tài liệu, tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật thường xuyên. - Chưa có quy trình kiểm soát nội dung cuộc họp, ghi âm, ghi hình, chia sẻ tài liệu có giới hạn. - Việc áp dụng họp trực tuyến vẫn mang tính \tạm thời\, \bổ sung\ chứ chưa trở thành phương thức họp chính. - Không có công cụ tích hợp để ghi biên bản, chia sẻ tài liệu, lấy ý kiến biểu quyết, lưu trữ nội dung, phải làm lại bằng tay hoặc chép lại sau họp.
26	MTTQ tỉnh Tây Ninh	Chưa có hệ thống trực tuyến riêng. Dùng chung hệ thống Tỉnh uỷ, Ủy ban
27	MTTQ Thanh Hóa	Hệ thống đường truyền kém, trang thiết bị đầu cuối chưa được đồng bộ; thiếu cán bộ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật.
28	MTTQ Tỉnh Tuyên Quang	Kinh phí đầu tư cho công tác chuyển đổi số còn khó khăn.

